

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẶC ĐIỂM VĂN BẢN THƠ
TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC
(BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

Chủ nhiệm đề tài: TRỊNH HUYỀN TRANG

Lớp: D16TH3

Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

ĐẶC ĐIỂM VĂN BẢN THƠ
TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC
(BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

Chủ nhiệm đề tài: TRỊNH HUYỀN TRANG

Các thành viên: ĐỖ THỊ KIỀU TRANG
NGUYỄN ĐÀM THU TRANG
PHẠM THỊ THU TRANG

Lớp: D16TH3

Người hướng dẫn khoa học: ThS. AN THỊ NGỌC LÝ

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

NINH BÌNH, 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	1
2. Tính cấp thiết của đề tài	3
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng nghiên cứu.....	4
5. Phạm vi nghiên cứu.....	4
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	4
Chương 1	6
ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG CỦA CÁC VĂN BẢN THƠ	6
TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT (BỘ SÁCH KNTTVCS)	6
1.1. Giới thiệu vài nét về SGK Tiếng Việt 4, 5 và các văn bản thơ trong SGK Tiếng Việt 4, 5 (Bộ sách KNTTVCS).....	6
1.1.1. Vài nét về bộ sách giáo khoa Tiếng Việt 4, 5 (Bộ KNTTVCS)	6
1.1.2. Giới thiệu về các văn bản thơ trong SGK Tiếng Việt lớp 4, 5 (Bộ sách KNTTVCS)	8
1.2. Nội dung của các văn bản thơ	12
1.2.1. Tình yêu quê hương, đất nước	12
1.2.2. Tình cảm gia đình, bạn bè, thầy cô.....	19
1.2.3. Những trải nghiệm, khám phá và kết nối	24
1.2.4. Ước mơ và khát vọng	27
Kết luận chương 1	33
Chương 2	34
ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CỦA CÁC VĂN BẢN THƠ.....	34
TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT (BỘ SÁCH KNTTVCS)	34
2.1. Sự đa dạng thể thơ	34
2.2. Ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu.....	38
2.3. Giọng điệu hồn nhiên, thân tình	43
Kết luận chương 2	50
KẾT LUẬN	51
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	52
PHỤ LỤC	1

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Tên bảng	Trang
Bảng 1.1.2. Tỷ lệ các văn bản thơ trong SGK <i>Tiếng Việt</i> 4 - 5 (bộ sách <i>KNTTVCS</i>)	12
Bảng 2.1. Số lượng các bài thơ thuộc các thể thơ khác nhau theo từng khối lớp	34
Bảng 2.2. Số lượng các bài thơ thuộc các thể thơ khác nhau của cả hai khối lớp 4 và lớp 5	35

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ/cụm từ viết tắt	Từ/cụm từ được viết tắt
1	HS	Học sinh
2	KNTTVCS	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	CD	Cánh điều
4	CTST	Chân trời sáng tạo
5	NXB	Nhà xuất bản
6	SGK	Sách giáo khoa
7	VB	Văn bản
8	GV	Giáo viên

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Các tác phẩm được tuyển chọn phần *Độc* của chương trình *Tiếng Việt* cấp Tiểu học, đặc biệt là khối lớp 4, 5 có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện khả năng đọc hiểu, cảm thụ văn học và nuôi dưỡng tâm hồn HS. Mỗi tác phẩm được lựa chọn đưa vào bài học không chỉ là nguồn tài liệu giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ, tri thức mà còn bồi dưỡng cho các em về tâm hồn và góp phần hình thành nhân cách, giúp HS dần trưởng thành cả trí tuệ lẫn đạo đức. Trong đó những VB thơ trong chương trình có vai trò quan trọng, góp phần rất lớn vào việc bồi dưỡng và giáo dục HS. Theo tìm hiểu của chúng tôi, hiện nay đã có một số cuốn sách, công trình và bài viết riêng lẻ đề cập đến vấn đề phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của các bài thơ trong SGK *Tiếng Việt* nói chung và SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 nói riêng. Cụ thể là một số công trình sau:

Nhóm các tác giả Tạ Đức Hiền – Thái Thành Vinh – Phạm Minh Việt trong cuốn sách *Cảm thụ văn học dành cho học sinh lớp 4 (Biên soạn theo Chương trình Giáo dục Tiểu học mới)* [17] đã cung cấp nhiều ngữ liệu thơ văn cho việc học và đọc các tác phẩm văn học cấp tiểu học; đặt chúng trong tương quan tương đồng thể loại, dung lượng... với các VB được học trong các bộ sách *Tiếng Việt 4 (KNTTVCS, CTST, CD)* để giúp GV và HS có thể tham khảo luyện tập và vận dụng trong quá trình dạy và học. Các tác phẩm được tuyển chọn trong tài liệu này đều là những tác phẩm đặc sắc, có lối viết biểu cảm nhẹ nhàng và giá trị nội dung sâu sắc. Những bài cảm thụ góp phần khơi gợi cho các em HS lớp 4 hiểu được, cảm được cái hay, cái đẹp, giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của một số bài thơ, một số truyện được nói đến. Đó là những bài thơ, câu chuyện hay và lí thú rất gần gũi với tâm hồn tuổi thơ.

Bên cạnh đó, cuốn sách *Cảm thụ văn học* [10] của tác giả Dương Thị Hương đã đưa ra hướng dẫn cụ thể về đọc hiểu và cảm thụ một số tác phẩm trong chương trình *Tiếng Việt* ở bậc tiểu học nói chung và một số bài văn, bài thơ ở sách giáo khoa *Tiếng Việt 4* chương trình hiện hành (cũ) nói riêng. Trong đó, có một số VB văn học đã được kế thừa trong bộ sách *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách KNTTVCS).

Tác giả bài viết *Những bài học giáo dục từ các VB văn học phân Đọc trong sách Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)* [1] đã chỉ rõ các VB *Đọc* có tính giáo dục cao. “*Mỗi tác phẩm là một câu chuyện chứa đựng những bài học giáo dục nhẹ nhàng nhưng sâu sắc về con người, về cuộc sống, về tình yêu quê hương, đất nước, bài học về những khát khao, ước mơ, ... Những bài học đạo đức được chuyển hóa thành những tình huống, hành động, lời nói cụ thể phù hợp với khả năng nhận thức, tâm lí của HS lớp 4*” [1].

Lê Phương Nga (2015). *Đảm bảo mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh trong quá trình dạy học các tri thức tiếng Việt ở trường tiểu học*. [13] Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 9, tr 65-73. Trên cơ sở khẳng định mục tiêu của dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông là phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh, dạy cho các em sử dụng tiếng mẹ đẻ làm công cụ giao tiếp, khẳng định việc dạy học các tri thức tiếng Việt ở trường tiểu học phải tuân thủ nguyên tắc giao tiếp, bài báo đưa ra bốn việc cần làm để bảo đảm mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh tiểu học trong quá trình dạy học các tri thức tiếng Việt. Đó là: 1). Bồi dưỡng cho giáo viên ý thức dạy học vì mục tiêu giao tiếp và năng lực tạo mẫu sản phẩm giao tiếp - mục tiêu đầu ra cuối cùng của quá trình dạy học tri thức tiếng Việt; 2). Tối giản hóa (đễ hóa) quá trình nhận diện, phân loại, phân tích các đơn vị ngôn ngữ; 3). Tối ưu hóa quá trình sử dụng các đơn vị ngôn ngữ, kiểu loại của từng đơn vị này; 4). Tổ chức dạy - học tri thức tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp.

Những tài liệu mang tính chất định hướng cho chương trình, nội dung của các bài học *Tiếng Việt* cấp tiểu học cũng như *Tiếng Việt 4, 5: Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018)* đã định hướng rõ mục tiêu của chương trình *Tiếng Việt* cấp tiểu học: “giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh. Giúp học sinh bước đầu hình thành năng lực chung, phát triển năng

lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe ở mức độ căn bản” [18, tr.5]. Từ định hướng đó, có thể thấy rằng, các VB thơ phần *Đọc* trong sách giáo khoa Tiếng Việt cấp tiểu học sẽ tập trung phát triển những phẩm chất cần thiết cho HS. Giáo dục các em biết nhân ái, yêu thương, bản lĩnh, trách nhiệm, ham thích khám phá...

Để dạy học *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*) theo đúng định hướng, các tác giả Bùi Mạnh Hùng – Trần Thị Hiền Lương – Đỗ Hồng Dương – Lê Thị Lan Anh – Nguyễn Lê Hằng – Trịnh Cẩm Lan đã biên soạn bộ *Sách giáo viên Tiếng Việt 4, 5* (Bộ sách *KNTTVCS*). Đây là tài liệu được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 dành cho các thầy cô dạy bộ sách *KNTTVCS*. Những cuốn sách giáo viên này là tài liệu định hướng và hướng dẫn giảng dạy cho GV. Tài liệu đã trình bày khái quát về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm được dạy trong chương trình *Tiếng Việt* lớp 4, 5, trong đó có các tác phẩm thơ. Đây là một tài liệu đáng tin cậy để chúng tôi tham khảo trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học này.

Trong những tài liệu nêu trên, các tác giả đã đề cập tới mục tiêu, nội dung chương trình *Tiếng Việt* ở Tiểu học, một số định hướng và cảm thụ giá trị nội dung và nghệ thuật của các VB thơ trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5. Tuy nhiên theo tìm hiểu của chúng tôi, chưa có công trình nào đi sâu vào việc nghiên cứu đầy đủ và hệ thống đặc điểm của các VB thơ trong chương trình *Tiếng Việt* 4, 5 bộ sách *KNTTVCS*. Tuy nhiên, những công trình đi trước vẫn là nguồn tài liệu quý giá, cũng là tiền đề khoa học để chúng tôi tham khảo viết đề tài này, với mong muốn góp một phần vào việc nâng cao hiệu quả dạy học môn *Tiếng Việt* lớp 4, 5.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Thơ ca là một bộ phận quan trọng của văn học, có vai trò đặc biệt trong việc hình thành và phát triển nhân cách, cảm xúc, thẩm mỹ ngôn ngữ cho HS tiểu học. Ở lứa tuổi này, các em tiếp tục làm quen với thế giới nghệ thuật ngôn từ thông qua những bài thơ giàu nhạc điệu, hình ảnh, cảm xúc.

SGK *Tiếng Việt* (*KNTTVCS*) được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, với mục tiêu giúp HS không chỉ nắm vững tri thức về tiếng Việt

và văn học mà còn hình thành năng lực giao tiếp, cảm thụ và sáng tạo. Trong đó, các VB thơ chiếm vị trí quan trọng, góp phần nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm, và khả năng cảm nhận nghệ thuật của HS.

Các VB thơ trong SGK *Tiếng Việt* 4, 5 (bộ sách *KNTTVCS*) có nhiều đặc sắc và giá trị về nội dung và hình thức nghệ thuật, góp phần giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu qua các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức với cội nguồn; ham thích lao động; trung thực; có trách nhiệm, đồng thời còn là bước đầu xây dựng các năng lực chung, nuôi dưỡng năng lực văn học theo mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ Văn.

Từ những lí do nêu trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài khoa học: **“Đặc điểm VB thơ trong chương trình *Tiếng Việt* tiểu học (KNTTVCS)”** nhằm góp phần nhận diện rõ hơn giá trị nội dung và nghệ thuật của các VB thơ, đồng thời khẳng định vai trò của thơ trong việc hình thành năng lực ngôn ngữ, thẩm mỹ và nhân cách cho HS tiểu học trong giai đoạn giáo dục đổi mới hiện nay.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài này, chúng tôi sẽ phân tích để trình bày những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các VB thơ trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*) để phục vụ cho quá trình dạy và học các VB thơ trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*).

4. Đối tượng nghiên cứu

- Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của các VB thơ thuộc phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*).

5. Phạm vi nghiên cứu

- Các VB thơ (Phần *Đọc*) trong SGK *Tiếng Việt* 4, 5 (tập 1 và tập 2) (Bộ sách *KNTTVCS*), NXB Giáo dục, 2024.

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

- Tiếp cận lí thuyết - Ứng dụng

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai đề tài, chúng tôi vận dụng những phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- *Phương pháp thống kê, phân loại*: Thống kê và phân loại các VB thơ (phần *Độc*) trong SGK lớp 4, 5 (tập 1 và tập 2) (Bộ sách *KNTTVCS*) từ đó xác định các đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Từ kết quả thống kê và phân loại, chúng tôi thực hiện phân tích, tổng hợp và khái quát những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của các VB thơ (phần *Độc*) trong chương trình SGK lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*).

- *Phương pháp so sánh*: Chúng tôi sử dụng phương pháp này để so sánh những giá trị về nội dung và nghệ thuật trong chương trình SGK lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*) với chương trình *Tiếng Việt* các khối lớp 1, 2, 3 để thấy được sự kế thừa và phát triển của nội dung chương trình.

Chương 1

ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG CỦA CÁC VĂN BẢN THƠ TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT (BỘ SÁCH KNTTVCS)

1.1. Giới thiệu vài nét về SGK Tiếng Việt 4, 5 và các văn bản thơ trong SGK Tiếng Việt 4, 5 (Bộ sách KNTTVCS)

1.1.1. Vài nét về bộ sách giáo khoa Tiếng Việt 4, 5 (Bộ KNTTVCS)

SGK *Tiếng Việt 4,5* (KNTTVCS) là bộ SGK được biên soạn theo Chương trình GDPT 2018. Bộ sách này được thiết kế với mục tiêu giúp HS phát triển toàn diện kĩ năng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo và khả năng giao tiếp. Sách tiếp tục triển khai ý tưởng chung của bộ sách KNTTVCS về cách thiết kế nội dung kiến thức cũng như định hướng cách thức rèn luyện kĩ năng sử dụng *Tiếng Việt* cho HS, đó là kết nối tri thức với cuộc sống, học đi đôi với hành. Những nội dung kiến thức được lựa chọn và thiết kế phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và khả năng tiếp nhận của HS lớp 4, 5. Ngoài ra, sách còn kế thừa kiến thức các em đã được học ở các khối lớp nhỏ hơn, đảm bảo tính liên tục và liền mạch.

Một số điểm đáng lưu ý về SGK *Tiếng Việt 4,5* (KNTTVCS) như chú trọng tạo ra sự mới mẻ hiện đại ở cả nội dung và hình thức trình bày trên cơ sở kế thừa những điểm ưu việt của các sách *Tiếng Việt* trước đây. Sách phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS giúp các em học môn *Tiếng Việt* cảm thấy thú vị và bổ ích. Tạo cơ hội để phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học của HS một cách hiệu quả, đúng với mục tiêu, yêu cầu của chương trình môn *Tiếng Việt* 2018. Bên cạnh đó, các chủ điểm của SGK *Tiếng Việt 4, 5* tạo được dấu ấn đặc trưng cho giai đoạn học tập mới ở cấp tiểu học trong giai đoạn lớp 4, 5. Bộ sách được chia thành hai tập sách ở mỗi khối lớp. Trong đó SGK *Tiếng Việt 4*, tập 1 có bốn chủ điểm (*Mỗi người một vẻ*; *Trải nghiệm và khám phá*; *Niềm vui sáng tạo*; *Chắp cánh ước mơ*), SGK *Tiếng Việt 5*, tập 1 cũng gồm bốn mạch nội dung chính: *Thế giới tuổi thơ*, *Thiên nhiên kì thú*, *Trên con đường học tập* và *Nghệ thuật muôn màu*. Các chủ điểm ở tập 1 gắn với đời sống phong phú của chính HS, từ ý thức đến đặc điểm, cá tính của bản thân HS trong sự phân biệt với bạn bè xung quanh, cảm nhận vẻ đẹp riêng của mỗi người, những niềm vui trải nghiệm, khám phá,

sáng tạo và ước mơ làm những điều tốt đẹp. Tập 2 của SGK *Tiếng Việt 4* cũng có bốn chủ điểm (*Sống để yêu thương; Uống nước nhớ nguồn; Quê hương trong tôi; Vì một thế giới bình yên*). Các chủ điểm được phát triển dần từ những nhận thức về bản thân, về bạn bè, trường lớp sang những phạm vi rộng hơn của đời sống xã hội, từ đó giúp các em có thêm hiểu biết, học được những bài học về tình yêu thương, về lòng biết ơn, bồi đắp cho các em những tình cảm với quê hương, đất nước và thế giới rộng mở, biết mong ước về một thế giới bình yên, tươi đẹp. Với SGK *Tiếng Việt 5*, tập 2 tiếp tục được mở rộng phạm vi các chủ điểm, giúp HS nâng cao hiểu biết về xã hội, bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước cùng ý thức trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng như: *Vẻ đẹp cuộc sống, Hương sắc trăm miền, Tiếp bước cha ông và Thế giới của chúng ta*. Ngoài các bài học ở các chủ điểm nêu trên, mỗi tập sách đều có những tuần ôn giữa kì và ôn cuối kì kèm theo những đề kiểm tra tham khảo tiếp cận với hướng đánh giá năng lực. Sách còn có những hình ảnh minh họa đẹp mắt và đó cũng là một phần quan trọng của bài học. Ngoài ra, về nội dung các bài học. Các bài học trong sách *Tiếng Việt 4, 5* vẫn thống nhất với cấu trúc sách *Tiếng Việt* lớp 1, lớp 2, lớp 3 của bộ KNTTVCS song đã có những điểm đổi mới theo quy định của chương trình *Tiếng Việt 4, 5* (Chương trình GDPT 2006). Sách lớp 4, 5 sẽ không có nội dung viết chính tả, không có nội dung làm bài tập chính tả, không có nội dung luyện viết chữ hoa nhưng lại có những yêu cầu mới về kiến thức *Tiếng Việt* và kỹ năng ngôn ngữ. Trong đó, hoạt động đọc luôn được xếp ở những tiết học đầu tiên của mỗi bài và thường được phân bổ số tiết nhiều hơn so với các hoạt động khác.

Có thể thấy, sách *Tiếng Việt 4, 5* (KNTTVCS) chính là người bạn đồng hành của các em HS trong việc học tập, rèn luyện phẩm chất và năng lực. Mỗi bài học có nhiều hoạt động giúp em tự khám phá và tiếp thu kiến thức mới. Ở mỗi hoạt động các em được khơi gợi hứng thú, phát huy tính tích cực, chủ động bằng sự đa dạng của nhiệm vụ học tập. Kỹ năng các em có được từ các hoạt động đó là yếu tố quan trọng để phát triển năng lực tự tìm hiểu, khám phá môn *Tiếng Việt* nói riêng cũng như các môn học khác nói chung trong suốt chặng đường học tập sau này.

Như vậy, cả hai cuốn sách *Tiếng Việt 4* và *Tiếng Việt 5* (KNTTVCS) đều được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, gắn kết nội dung học tập với thực tiễn cuộc sống. SGK *Tiếng Việt* lớp 4 tập trung vào việc rèn luyện các kỹ năng cơ bản như đọc hiểu, nghe – nói, viết đoạn văn kể chuyện, miêu tả... còn SGK *Tiếng Việt* lớp 5 tiếp tục mạch kiến thức từ lớp 4, đồng thời mở rộng thêm các dạng VB như VB nghị luận đơn giản, VB đa phương tiện, đồng thời yêu cầu HS biết trình bày quan điểm, nêu ý kiến cá nhân và vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tiễn. Nhờ đó, nội dung bài học không chỉ giúp củng cố kiến thức mà còn góp phần phát triển tư duy độc lập, sáng tạo ở HS.

Về hình thức trình bày, SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (KNTTVCS) đều sử dụng hình ảnh, màu sắc, bố cục rõ ràng, phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi. Tuy nhiên, SGK *Tiếng Việt* lớp 5 có sự đổi mới đáng kể khi bổ sung nhiều bảng biểu, sơ đồ tư duy, hình ảnh thông tin, nhằm hỗ trợ HS trong việc hệ thống hóa kiến thức và phát triển kỹ năng đọc – hiểu VB phức hợp.

Về hệ thống chủ điểm, SGK *Tiếng Việt* lớp 4 thường đề cập đến những nội dung gần gũi với HS như gia đình, nhà trường, thiên nhiên..., SGK *Tiếng Việt* lớp 5 lại phát triển theo hướng nâng cao, đề cập đến các vấn đề mang tính xã hội và nhân văn rộng hơn như gìn giữ di sản văn hóa, trách nhiệm công dân, bảo vệ môi trường, hướng đến công dân toàn cầu. Sự mở rộng chủ điểm này góp phần hình thành thế giới quan phong phú và nhân sinh quan tích cực cho HS tiểu học cuối cấp.

Về tổng thể, sự phát triển của chương trình SGK *Tiếng Việt* lớp 5 so với lớp 4 là hợp lý, phù hợp với quá trình phát triển nhận thức và ngôn ngữ của HS. Đây cũng là một bước chuẩn bị quan trọng giúp HS sẵn sàng chuyển tiếp lên bậc học cao hơn, đặc biệt là bậc trung học cơ sở – nơi đòi hỏi khả năng tư duy ngôn ngữ, lập luận và biểu đạt rõ ràng hơn.

1.1.2. Giới thiệu về các văn bản thơ trong SGK Tiếng Việt lớp 4, 5 (Bộ sách KNTTVCS)

Trong chương trình *Tiếng Việt* lớp 4, 5, thơ ca đóng vai trò quan trọng trong việc rèn luyện khả năng cảm thụ văn học và bồi dưỡng tâm hồn cho HS. Chính vì

vậy, mỗi tác phẩm thơ trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*) đều được chọn lựa kĩ lưỡng, nội dung phù hợp với đặc điểm tâm lí và trình độ nhận thức của HS. Trong các bài thơ, chủ thể chia sẻ cảm nghĩ phần lớn là trẻ em, các em trực tiếp bày tỏ tình cảm và suy nghĩ của mình, chia sẻ các câu chuyện của mình, câu chuyện cuộc sống dưới góc nhìn trẻ thơ. Các bài thơ trở nên gần gũi, quen thuộc, gắn liền với cuộc sống thực tế của HS lớp 4, 5. Nội dung bài học không còn khô khan, giáo điều mà trở nên nhẹ nhàng, dễ hiểu, tạo được sự hứng thú cho HS trong giờ học. Các VB thơ (phần *Đọc*) trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*) không chỉ khơi gợi niềm yêu thích của HS đối với văn học, mà còn mang đến cho các em những bài học giáo dục sâu sắc về tình cảm gia đình, bạn bè, tình yêu quê hương đất nước, về đạo đức, về những vấn đề xoay quanh cuộc sống hằng ngày của các em.

Các VB thơ (phần *Đọc*) trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*) có nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, quen thuộc với cuộc sống đời thường của các em. Trong đó, kiến thức được phân bố phù hợp, theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến nâng cao, từ đó đảm bảo tính liên mạch và phát triển. Đối với SGK *Tiếng Việt* lớp 4 (Bộ sách *KNTTVCS*), trong tập 1, các VB thơ có nội dung gần gũi, thân thuộc với đời sống hằng ngày của HS. Bắt đầu từ việc tự ý thức về sự khác biệt về tính cách, sở thích, ngoại hình của bản thân và của mọi người xung quanh, biết yêu thương và tôn trọng những điểm khác biệt đó. Tiếp đến là sự tò mò, mong muốn được trải nghiệm và khám phá cuộc sống, sự vui vẻ, phấn khích khi được tìm hiểu về những điều mới lạ trong đời sống hằng ngày, những nét văn hóa của các dân tộc, vùng miền khác nhau. Không chỉ thế, các VB thơ còn khơi gợi sự sáng tạo của HS, thể hiện niềm vui, niềm hạnh phúc khi được thỏa sức sáng tạo, được theo đuổi những ước mơ của bản thân, được thực hiện những điều mà các em hằng ao ước. Sang đến tập 2, các em được trang bị thêm những hiểu biết về tình yêu thương. Đó là tình yêu gia đình, yêu tổ quốc, khát vọng hòa bình. Từ đó góp phần hình thành cho HS những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, bồi đắp những giá trị về mặt cảm xúc như tình yêu gia đình, yêu quê hương đất nước... Đối với SGK *Tiếng Việt* lớp 5, các VB thơ vẫn gắn liền với cuộc sống đời thường của HS, nhưng

lại được mở rộng hơn. Trong tập 1, mỗi tác phẩm đều có những giá trị giáo dục riêng, góp phần vào việc bồi dưỡng tâm hồn trẻ thơ. Bắt đầu, là tình yêu gia đình, yêu thương trẻ thơ, niềm hi vọng vào tương lai tươi sáng, cuộc sống tốt đẹp của HS. Tiếp đó là tình yêu thiên nhiên, tinh thần ham học hỏi, ý nghĩa của nghệ thuật với đời sống tinh thần của con người. Ở tập 2, phạm vi giáo dục cho HS lại tiếp tục được mở rộng. Các tác phẩm thơ giúp HS biết được về vẻ đẹp của cuộc sống đời thường, gắn liền với thực tế hằng ngày, từ đó giúp các em biết trân trọng những giá trị tốt đẹp xung quanh cuộc sống của mình. Mở rộng hơn, HS có thêm hiểu biết về những phong tục tập quán của các dân tộc anh em, biết trân trọng bản sắc văn hóa của dân tộc. Không chỉ thế, các VB thơ còn thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với những thế hệ đi trước, những người có công với tổ quốc. Đó cũng là lời nhắc nhở các em HS phải biết noi theo, kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp mà cha ông đi trước đã xây dựng, bảo vệ. Các em còn khát vọng được sống trong một thế giới hòa bình, một thế giới mà mọi dân tộc trên thế giới được chung sống trong sự bình yên, hạnh phúc. Ngoài ra, các văn bản thơ trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*) sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật đặc sắc nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm, góp phần phát triển năng lực cảm thụ văn học của HS. Trước hết, các tác giả thường vận dụng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa để các sự vật xung quanh cuộc sống của HS trở nên sinh động, gần gũi hơn, giúp HS cảm nhận thiên nhiên, con người bằng con mắt yêu thương và đồng cảm. Bên cạnh biện pháp so sánh hay nhân hóa, biện pháp điệp từ và điệp ngữ cũng được sử dụng linh hoạt trong các VB thơ, góp phần tạo nên nhịp điệu nhẹ nhàng, vui tươi, phù hợp với tâm lý lứa tuổi HS tiểu học. Hơn nữa, hình ảnh thơ trong các VB đều giản dị nhưng giàu sức gợi, đều lấy từ những sự vật sự việc trong cuộc sống hằng ngày, khiến học sinh dễ liên tưởng và đồng cảm. Thêm vào đó, tính nhạc điệu của các văn bản thơ còn được thể hiện qua cách tổ chức chặt chẽ, uyển chuyển của vần thơ và nhịp điệu thơ, qua đó giúp các em dễ thuộc dễ nhớ các VB thơ, cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn ngữ và âm thanh trong thơ. Ở một số VB thơ, các tác giả còn sử dụng các biện pháp nghệ thuật như ẩn dụ, hoán dụ giúp gợi mở óc suy nghĩ sáng tạo của HS, gợi mở ra những tầng nghĩa sâu sắc về tình cảm gia

đình, tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước. Nhờ những biện pháp nghệ thuật đặc sắc trên, các VB thơ (phần *Đọc*) trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*) không chỉ giàu nhạc điệu và hình ảnh mà còn giàu cảm xúc, góp phần nuôi dưỡng tâm hồn, bồi đắp năng lực cảm thụ văn học cho học sinh. Có thể nói, những VB thơ (phần *Đọc*) trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*) chứa đựng nhiều bài học ý nghĩa về cuộc sống, quê hương, con người và thiên nhiên, góp phần quan trọng trong việc bồi đắp những tình cảm tốt đẹp cho HS lớp 4, 5.

Về số lượng, tên các VB, vị trí các VB trong các chủ điểm của các VB thơ (phần *Đọc*) trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*) được thống kê đầy đủ trong bảng 1.1.1 (phụ lục). Từ bảng 1.1.1 chúng tôi đã hệ thống, phân tích để làm rõ tỉ lệ các VB thơ trên tổng số các VB trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách *KNTTVCS*). Tỉ lệ ấy được thể hiện trong bảng 1.1.2 dưới đây:

Bảng 1.1.2. Tỉ lệ các VB thơ trong SGK Tiếng Việt 4 - 5 (bộ sách KNTTVCS)

STT	Lớp	Số VB thơ	Tổng số VB	Tỉ lệ (%)
1	4	16	62	25,8
2	5	17	62	27,4
Tổng		33	124	26,6

Từ bảng 1.1.2 có thể thấy, SGK *Tiếng Việt* lớp 4 và 5 đều có số lượng VB thơ tương đối đồng đều và chiếm hơn 1/4 tổng số VB được đưa vào chương trình giảng dạy (tổng số VB thơ của cả 2 khối lớp là 33/124 VB, chiếm tỉ lệ 26,6%; lớp 4 là 16/62 chiếm 25,8%, lớp 5 là 17/62 VB chiếm 27,4%). Từ đó, có thể khẳng định, thơ đóng vai trò quan trọng trong chương trình *Tiếng Việt* cấp Tiểu học, đặc biệt là khối lớp 4 và 5. Cách phân bố này còn cho thấy sự chú trọng của nhà giáo dục trong định hướng giáo dục và phát triển phẩm chất đạo đức, năng lực cảm thụ văn học cho HS tiểu học. So với các thể loại khác như truyện kể, kí, kịch... thơ

vẫn là một thể loại đặc biệt và được xuất hiện thường xuyên trong suốt chương trình học, giúp các em phát triển kỹ năng đọc hiểu, khả năng cảm nhận nghệ thuật, thẩm mỹ và hình ảnh, nhịp điệu, cảm xúc trong thơ nói riêng và văn chương nói chung.

Như vậy, số lượng VB thơ trong SGK *Tiếng Việt 4, Tiếng Việt 5* là phù hợp, đáp ứng được mục tiêu giáo dục *Tiếng Việt* ở cấp tiểu học bởi thơ là một trong những phương tiện quan trọng để HS rèn luyện ngôn ngữ giàu tính biểu cảm, tính thẩm mỹ, phát triển cảm xúc đa dạng, tạo môi trường học tập hứng thú, giàu tính nhân văn.

1.2. Nội dung của các văn bản thơ

1.2.1. Tình yêu quê hương, đất nước

Tình yêu quê hương, đất nước chính là tình cảm thiêng liêng, cao cả mà mỗi người dành cho nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Đó là tình yêu sông núi, yêu làng, yêu xóm, yêu truyền thống, văn hóa, yêu con người... Các VB thơ phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4, 5* (KNTTVCS) đã khéo léo lồng ghép những bài học giáo dục về tình yêu quê hương, đất nước cho HS gắn liền với những chủ đề: *Uống nước nhớ nguồn, vẻ đẹp cuộc sống, hương sắc trăm miền, tiếp bước cha ông*. Các VB thơ giúp HS biết được vẻ đẹp của cảnh sắc nước non, tự hào về truyền thống văn hóa của dân tộc, càng yêu hơn những người dân đất Việt luôn mạnh mẽ, kiên cường mà vẫn đảm thắm, nghĩa tình.

Bài thơ “Cảm xúc Trường Sa” [3, tr.44] của tác giả Huệ Triệu là bài thơ thể hiện sâu sắc về tình yêu quê hương, đất nước. Tác phẩm được ra đời trong chuyến đi thực tế Trường Sa của tác giả năm 2012. Tình cảm yêu quý và trân trọng biển đảo quê hương đã được nhân vật “*em*” thể hiện rõ trong từng câu chữ:

Em đã nhớ Trường Sa
Cả khi mình chưa đến
Giữa sóng, cát không ngờ
Gặp màu hoa muống biển.

Vùng đất, vùng trời biển đảo quê hương là nơi tươi đẹp, đầy sức sống với những Đá Thi, Len Đảo, Song Tử Tây sóng vỗ, những Sơn Ca, Sinh Tồn, những

nhà giàn giữ đảo... Và để Trường Sa luôn kiên cường trước sóng gió, không thể không tự hào về những người lính biển anh hùng mà cũng rất bình dị, gần gũi, yêu thương: *“Trong gian khó vẫn ngồi/Ánh mắt bao trù mến/Ngắm hải âu giữa trời”*. Bài thơ cũng đã khơi dậy trong các em khát vọng về độc lập, tự do, về hòa bình. Giữa không gian mênh mông, *“hoa bàng vương đợi nở”* hiện lên như một biểu tượng của một niềm tin khát khao đất nước ngày một giàu mạnh cùng vẻ đẹp kiêu hãnh ở nơi đầy nắng và gió. Thời tiết nơi đây tuy khắc nghiệt (*Bão giăng giăng mặt biển/Đảo oằn mình khát mưa*) nhưng sức sống của thiên nhiên vẫn luôn luôn căng tràn, không bao giờ chịu khuất phục giống như tinh thần kiên cường của nhân dân Việt, quyết tâm gìn giữ chủ quyền biển đảo của đất nước (*Đóa san hô kiêu hãnh/Vẫn nở hoa bốn mùa*). Đây chính là một minh chứng cho sức sống bất diệt của thiên nhiên và con người nơi đầu sóng. Dù cho bão tố giăng đầy lối, thúc dòn dập nhưng vẻ đẹp bất khuất của Trường Sa vẫn luôn tỏa sáng. *“Những nhà giàn giữ đảo / Neo cả nhịp tim người”* chứa hình ảnh ẩn dụ giàu ý nghĩa, gợi lên sự gắn bó xương máu giữa người lính với biển đảo, cùng với đó còn là mong ước tưởng chừng giản dị nhưng lại vô cùng sâu sắc: *“Muốn gửi vào muôn gió / Xin từng ngày sóng ngời”* - một ước nguyện cho vùng biển đảo yêu thương luôn được bình yên. Cuối bài thơ là một thông điệp đầy sâu sắc về sự hi sinh, về giá trị của hòa bình được tác giả gửi gắm một cách khéo léo:

Mỗi hạt cát Trường Sa
Đã trở thành máu thịt
Những tên đảo, tên người
Viết hoa thành Tổ quốc.

Mỗi hạt cát, mỗi hòn đảo, mỗi con người đã hòa vào nhau, cùng chung một tình yêu đất nước, trở thành biểu tượng thiêng liêng và bất khuất của dân tộc. *“Cảm xúc Trường Sa”* không chỉ là một bài thơ ca ngợi thiên nhiên, con người mà còn là một bản tình ca về tình yêu quê hương, biển đảo. Bài thơ giúp khơi dậy trong tâm hồn mỗi HS niềm tự hào dân tộc, trân trọng và biết ơn sự hi sinh to lớn của những người đang ngày đêm canh giữ biển trời của Tổ quốc cùng trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn khoảng trời thiêng liêng ấy.

Tác phẩm “Hạt gạo làng ta” [7, tr.17] của Trần Đăng Khoa là một trong những tác phẩm thể hiện rõ tình yêu quê hương, đất nước, trân trọng người dân lao động trong chương trình SGK *Tiếng Việt 5* (KNTTVCS). Bài thơ được sáng tác trong năm tháng kháng chiến chống Mĩ với nhân vật trữ tình là một em nhỏ được sinh ra và lớn lên ở nông thôn, cảm nhận được nỗi vất vả của người dân quê mình cùng sự vô giá của hạt gạo, từ đó tình yêu quê hương, đất nước dân được nuôi lớn trong trái tim nhỏ bé. Có thể nói, bài thơ “Hạt gạo làng ta” [7, tr.17] của Trần Đăng Khoa là một tác phẩm đặc sắc, ca ngợi vẻ đẹp bình dị nhưng đầy thiêng liêng của hạt gạo – biểu tượng cho sự sống, tình yêu thương và tinh thần lao động của người dân Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh. Qua hình ảnh hạt gạo, nhà thơ không chỉ thể hiện sự biết ơn với công sức lao động vất vả của người nông dân mà còn làm nổi bật tinh thần đoàn kết, ý chí kiên cường của cả dân tộc. Ngay từ những dòng thơ đầu tiên, hình ảnh hạt gạo đã hiện lên gần gũi, thân thuộc, gắn liền với ruộng đồng, với bàn tay cần cù của bà, của mẹ, của các em nhỏ – những con người chịu thương chịu khó, dù “*nắng cháy*” hay “*mưa dầm*” vẫn miệt mài sản xuất lương thực nuôi bộ đội, nuôi chiến trường. Câu thơ “*Hạt gạo làng ta / Có vị phù sa / Của sông Kinh Thầy / Có hương sen thơm / Trong hồ nước đầy*” không chỉ gợi lên hương vị ngọt lành của quê hương mà còn làm nổi bật vẻ đẹp tinh thần, truyền thống lâu đời và sự gắn bó giữa con người với thiên nhiên đất mẹ. Đặc biệt, bài thơ còn cho thấy sự đóng góp âm thầm nhưng to lớn của hậu phương trong kháng chiến. Những em bé “*gánh lúa*”, “*tuổi nhỏ làm việc nhỏ*” hay những người mẹ, người bà “*chờ con*” trong bom đạn – tất cả tạo nên một bức tranh hiện thực đầy xúc động về một thời kỳ khó khăn nhưng chan chứa tình người. Hạt gạo vì thế không chỉ là lương thực mà còn là kết tinh của máu, mồ hôi và nước mắt, là biểu tượng của lòng yêu nước, của tinh thần vượt khó và của niềm tin vào chiến thắng. Qua giọng thơ mộc mạc, chân thành và hình ảnh giàu cảm xúc, Trần Đăng Khoa đã nâng hạt gạo bình dị trở thành biểu tượng cao đẹp của sức mạnh dân tộc. Bài thơ là lời nhắc nhở sâu sắc về giá trị của lao động, của tình quê hương và lòng biết ơn những con người đã âm thầm hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Tình yêu quê hương, đất nước còn được thể hiện qua bài thơ “Đường quê Đồng Tháp Mười” [7, tr.66] của Trần Quốc Toàn. Bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh tác giả có dịp trải nghiệm, khám phá vẻ đẹp của vùng đất Đồng Tháp Mười và ông cũng đặc biệt bị ấn tượng bởi sự hiền lành, chất phác của con người nơi đây.

Bông súng thả lồng đèn
Sáng bông bênh mặt nước
Cá lòng tong chạy trước
Dẫn đường về thăm ông.

Mở đầu bài thơ, tác giả mở ra trước mắt người đọc một khung cảnh thật trong trẻo, gần gũi. Hình ảnh thơ “*Bông súng thả lồng đèn*” trôi trên mặt nước tạo nên một không khí thơ mộng. “*Cá lòng tong chạy trước*” như một người bạn nhỏ dẫn đường cho ta trở về nhà. Với biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh, một bức tranh quê mộc mạc nhưng đầy chất thơ, gợi lên tình yêu thương của bạn nhỏ với quê hương.

Đường quê, sào vít cong
Xuồng lướt như tên bắn
Cò ở đâu giật mình
Bay lẫn vào mây trắng.

Lắm lem con trâu đầm
Chém cặp sừng lóe nắng
Xình xịch thuyền đuôi tôm
Chở lúa vàng, rẽ sóng.

Khung cảnh thơ mộng là thế, nhưng nhịp sống ở vùng quê Đồng Tháp Mười lại sôi động, náo nức qua các hình ảnh “*Xuồng lướt như tên bắn*”, “*Xình xịch thuyền đuôi tôm / Chở lúa vàng, rẽ sóng*” hay cả những động vật sinh sống ở nơi đây cũng hòa mình vào không khí ấy: “*Cò ở đâu giật mình*”, “*Lắm lem con trâu đầm / Chém cặp sừng lóe nắng*”. Sự xuất hiện của con trâu, con cò đã làm cho bức họa đồng quê trở nên thật gần gũi, chân thực hơn bao giờ hết. Chi tiết “*lúa*

vàng, rẽ sóng” gợi cảm giác no đủ, thành quả lao động vất vả của người dân Đồng Tháp Mười. Cảnh thiên nhiên bình dị hòa quyện với nét đẹp lao động của con người nơi đây là một điểm nhấn vô giá trong thi phẩm này.

Chất thơ trong bức họa tiếp tục được tô điểm qua vẻ đẹp thuần khiết mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người:

Kìa mấy búp sen hồng
Nổi đầu thu, cuối hạ
Nước lớn sông Cửu Long
Chơi với sen nghiêng ngả.

Hoa sen hồng biểu trưng cho vẻ đẹp tinh khiết, thanh cao mà lại bất khuất, kiên cường, đồng thời nó cũng đánh dấu cho sự chuyển mùa từ hạ sang thu. Biện pháp nhân hóa được sử dụng “*Nước lớn sông Cửu Long / Chơi với sen nghiêng ngả*” nhằm diễn tả sự uyển chuyển, mềm mại và êm đềm của thiên nhiên sông nước miền Tây Nam Bộ.

Về xứ mười tầng tháp
Leo cầu trăm đốt tre
Ông đứng như bụt hiện
Chờ cháu cuối đường quê.

Hình ảnh “*xứ mười tầng tháp*” cùng cây cầu tre dài trăm đốt khiến cho người đọc liên tưởng đến những câu chuyện cổ tích. Người ông “*đứng như bụt hiện*” đợi cháu khiến tác phẩm trở nên sâu lắng, ấm áp và đầy yêu thương, tăng sự gắn bó giữa con người với quê hương của mình. Bức họa về vùng quê Đồng Tháp Mười được thi sĩ vẽ lên thật sinh động và đậm bản sắc văn hóa vùng miền. Không chỉ vậy, đây còn là một lời ngợi ca về cuộc sống, con người nơi đây với phẩm chất lao động cần cù, chất phác, yêu thiên nhiên và trân trọng từng mảnh đất của quê hương mình.

Bài thơ “Về thăm đất Mũi” của Hoài Anh là một tác phẩm giàu cảm xúc, thể hiện tình yêu sâu nặng đối với vùng đất cực Nam Tổ quốc – Cà Mau. Qua chuyến đi về với đất Mũi, nhà thơ đã khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ, hoang sơ nhưng cũng đầy chất thơ, đồng thời ca ngợi con người nơi đây với tinh thần

bất khuất, gắn bó máu thịt với quê hương, đất nước. Mở đầu bài thơ, hình ảnh đất Mũi hiện lên mộc mạc, nguyên sơ với rừng đước bạt ngàn, với sóng gió biển cả ngày đêm vỗ bờ – tất cả tạo nên một không gian thiên nhiên vừa thơ mộng vừa dữ dội. Đất Mũi không chỉ là nơi tận cùng của Tổ quốc về mặt địa lí, mà còn là biểu tượng thiêng liêng về chủ quyền lãnh thổ. Qua cái nhìn của nhà thơ, từng con sóng, hàng cây, bãi đất nơi đây đều mang trong mình một ý nghĩa lịch sử và văn hóa sâu sắc. Đất Mũi trở thành biểu tượng tượng trưng cho tình yêu quê hương sâu đậm của con người.

Nơi đây biển gặp rừng
Đất và trời gần lại
Cho bãi bồi vươn xa
Đất nước mình lớn mãi.

Sự ngợi ca vẻ đẹp của Đất Mũi đã vượt ra phạm vi rừng mắm, rừng đước để đến với đất trời. Đây là nơi “*biển gặp rừng*”, “*đất và trời gần lại*” để bãi bồi được tiếp tục mở rộng, giữ cho “*Đất nước mình lớn mãi*”. Hình ảnh “*bãi bồi*” như một phép ẩn dụ về sự phát triển, vươn lên không ngừng của đất nước, của Tổ quốc ngày một giàu mạnh, hướng tới năm châu.

Lần đầu về Đất Mũi
Như về với nhà mình
Nơi địa đầu Tổ quốc
Rạng ngời ánh bình minh!

Những câu thơ kết bài vừa là lời ngợi ca, vừa là một khát vọng về sự phát triển của Đất Mũi trong tương lai. “*Lần đầu về Đất Mũi / Như về với nhà mình*” bởi với tác giả, nơi đây vô cùng thân thương, gần gũi và đã trở nên gắn bó như chính ngôi nhà của mình, ông đã thấy bóng dáng quê hương mình ở Đất Mũi. Vẻ đẹp của sự hòa quyện giữa thiên nhiên và lịch sử đã trở thành biểu tượng cho sức sống mãnh liệt, kiên cường của người dân Đất Mũi nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung, một niềm tin, khát vọng về tương lai rộng mở của Tổ quốc. Tác giả muốn nhắn gửi rằng: hãy yêu thương, trân trọng và gìn giữ những giá trị thiêng liêng của đất nước.

Bài thơ không chỉ là lời ca ngợi vẻ đẹp vùng đất phương Nam mà còn thể hiện tình yêu quê hương đất nước sâu sắc. Qua đó, bài thơ khơi dậy niềm tự hào dân tộc và ý thức bảo vệ, giữ gìn từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc trong lòng người đọc.

Bài thơ “Việt Nam quê hương ta” [7, tr.117] lại có cách thể hiện tình yêu quê hương, đất nước thật đặc biệt. Ngay từ hình thức, Nguyễn Đình Thi đã lựa chọn cho bài thơ một thể thơ truyền thống của dân tộc – thơ lục bát. Bài thơ “Việt Nam quê hương ta” của Nguyễn Đình Thi là một bản tình ca trữ tình sâu lắng, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, con người và tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh giữ nước. Bài thơ không chỉ là lời ngợi ca quê hương mà còn là sự khẳng định mạnh mẽ lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc của tác giả cũng như của bao thế hệ người Việt. Nguyễn Đình Thi đã khắc họa một bức tranh quê hương vừa gần gũi, mộc mạc, vừa hùng tráng và thiêng liêng. Mở đầu bài thơ, tác giả cất lên lời ngợi ca giản dị mà tha thiết: “*Việt Nam đất nước ta ơi / Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn*”. Chỉ hai câu thơ đã gọi ra vẻ đẹp trù phú, rộng lớn của đồng quê Việt Nam với biển lúa bao la và bầu trời trong sáng. Những hình ảnh “*cánh cò bay lả rập rờn*”, “*mây mờ che đỉnh Trường Sơn*” càng làm nổi bật vẻ đẹp nên thơ, thanh bình của thiên nhiên đất nước. Không chỉ dừng lại ở cảnh vật, bài thơ còn gọi nhắc đến con người Việt Nam hiền lành, chất phác nhưng đã trải qua biết bao đau thương, vất vả: “*Mặt người vất vả in sâu / Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn*”. Đặc biệt, vẻ đẹp của dân tộc được ngợi ca ở tinh thần anh hùng bất khuất: “*Đất nghèo nuôi những anh hùng / Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên*”. Lời thơ giản dị mà hào hùng, khẳng định sức sống mạnh mẽ, kiên cường của nhân dân ta trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Sau chiến tranh, đất nước lại trở về hiền hòa, tươi đẹp với nắng chan hòa, hoa thơm, quả ngọt, và những cô gái đôi mắt long lanh, thủy chung, giàu tình nghĩa. Bài thơ còn gọi niềm tự hào về tài hoa của người lao động Việt Nam: “*Tay người như có phép tiên / Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ*”. Qua những vần thơ giàu nhạc điệu, hình ảnh giản dị mà gợi cảm, Nguyễn Đình Thi đã vẽ nên bức tranh quê hương Việt Nam vừa đẹp đẽ, vừa anh hùng, vừa thấm đượm tình người. Bài thơ khơi dậy

trong mỗi chúng ta niềm tự hào, tình yêu tha thiết với quê hương, đất nước và con người Việt Nam.

Có thể nói, tình yêu quê hương, đất nước luôn là tình cảm thiêng liêng đối với mỗi người. Các VB thơ trong SGK *Tiếng Việt 4,5* (KNTTVCS) đã khơi gợi tình cảm thường trực ấy của HS, giáo dục các em biết trân trọng, tự hào về quê hương, đất nước mình. Qua đó, HS khám phá vẻ đẹp đa dạng của thiên nhiên Việt Nam qua những hình ảnh thơ sống động và gần gũi. Đồng thời, các em còn cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước trong từng bài dạy, đặc biệt hiểu được thế nào là tình yêu Tổ quốc, làm thế nào để dựng xây đất nước ngày một hùng cường và trân trọng những hi sinh của thế hệ cha ông.

1.2.2. Tình cảm gia đình, bạn bè, thầy cô

Tình cảm gia đình là tình cảm thiêng liêng đối với mỗi người. Đó là tình cảm cha mẹ dành cho con cái và ngược lại, là tình cảm anh em, tình cảm ông cháu, tình cảm bà cháu...; tình cảm gia đình biểu hiện qua sự yêu thương, quan tâm, sẻ chia, che chở, động viên, giúp đỡ... của những người thân yêu trong gia đình.

Với các em nhỏ tiểu học nói chung và các em HS lớp 4 và lớp 5 nói riêng, gia đình chính là “ngôi trường” đầu tiên giúp các em định hình nhân cách, nơi rèn rũa và dạy các em những bài học đầu tiên trên đường đời. Chính vì vậy, tình cảm gia đình cũng chính là thứ tình cảm đầu tiên, ấm áp và tươi sáng nhất trong cuộc đời của các em.

Đọc bài thơ “Quả ngọt cuối mùa” [3, tr.20], tác giả Võ Thanh An, người đọc thực sự xúc động với sự ấm áp, an lành của bà dành cho cháu và sự biết ơn, trân quý bà của người cháu. Những câu thơ nhẹ nhàng, ấm áp mà chứa đựng bao yêu thương “*Quả ngon dành tận cuối mùa/ Chờ con, phần cháu bà chưa trảy vào*” [3, tr.20]. Quả ngon luôn luôn được dành cho con cháu – cho những người thân yêu dù đang ở xa. Biết bao nhớ nhung, thương mến bà gửi gắm vào quả, vào cây. Cảm xúc trào dâng với tiếng gọi “bà” đầy tha thiết: “*Bà ơi, thương mấy là thương/ Vắng con xa cháu tóc sương da mồi*” [3, tr.20]. Thời gian in hằn lên tóc, lên da bà còn cháu thì dần sự trưởng thành, thế nhưng tình cảm của bà cho cháu, của cháu

dành cho bà vẫn vẹn nguyên. “*Thương mấy là thương*” là cách nói nhấn mạnh cảm xúc, tuy tình cảm mộc mạc nhưng thật đáng trân trọng. Đứa cháu bé nhỏ hiểu được những cô đơn, trống vắng của bà; thương nhớ bà mà không thể ở gần bà: “*Bà như quả ngọt chín rồi / Càng thêm tuổi tác càng tươi lòng vàng*”. Bài thơ là những lời nhắn nhủ nhẹ nhàng tới HS về tình yêu thương, về lòng hiếu thảo và sự trân trọng, kính trọng đối với ông bà, cha mẹ. Tình cảm gia đình thể hiện một cách mộc mạc, sâu lắng và đầy yêu thương biểu hiện ở tình yêu thương và sự hi sinh của bà dành cho con cháu và bên cạnh đó còn thể hiện tình cảm tha thiết, lòng kính trọng, biết ơn người bà đã tảo tần chăm sóc con cháu. Bài thơ không chỉ miêu tả một mùa cam quê nhà, mà còn biểu tượng cho tình cảm gia đình thiêng liêng, sự gắn bó giữa các thế hệ và lòng biết ơn đối với những người thân yêu - đặc biệt là người bà – bà được ví như quả ngọt quý giá, càng già đi lại càng lấp lánh những phẩm chất cao đẹp - biểu tượng cho tình cảm gia đình bền bỉ, thiêng liêng theo thời gian. Nhận ra rằng những điều giản dị trong cuộc sống – như một quả ngọt cuối mùa – cũng mang trong đó sự hi sinh và tình yêu thương vô bờ bến, qua đó chúng ta phải biết trân trọng tình cảm gia đình, yêu thương những người thân trong gia đình.

Tình cảm gia đình là dòng chảy ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người từ thuở ấu thơ. Và có lẽ tình cảm thiêng liêng nhất đối với mỗi người chính là tình mẫu tử. Nếu tình yêu của bà gợi nhắc về kí ức cổ tích thì tình mẹ lại là hiện thân sống động của sự hi sinh, nâng bước con trong suốt hành trình trưởng thành. Mẹ là người mang đến cho chúng ta tình yêu vô bờ bến, sự chăm sóc tận tụy và là chỗ dựa vững chắc suốt cuộc đời của chúng ta. Tình yêu của mẹ được nhà thơ Trương Nam Hương gửi gắm qua từng câu chữ trong bài thơ “Trong lời mẹ hát” [3, tr.59] - nơi lời ru của mẹ không chỉ là lời ru mà còn là dòng sữa ngọt nuôi dưỡng tâm hồn, là hành trang tinh thần để con vững vàng bay xa trong cuộc đời. Tuổi thơ của con gắn với câu chuyện cổ tích mẹ kể, những câu ca dao mẹ ru: “*Tuổi thơ chở đầy cổ tích/ Dòng sông lời mẹ ngọt ngào/ Đưa con đi cùng đất nước/ chòng chênh nhịp võng ca dao*” [3, tr.59]. Những câu thơ gợi lên một không gian đầy ắp những kí ức đẹp đẽ và ấm áp từ tuổi thơ. Những câu chuyện ngọt

ngào, những giấc mơ và ước vọng mà mẹ đã truyền cho con, những bài học quý giá về cuộc sống và tình yêu. Mẹ không chỉ chăm sóc con mà còn dạy con biết bao điều quý giá (về tình yêu quê hương đất nước, về những giá trị truyền thống, về lịch sử và văn hóa, về cội nguồn...). Đó là một hành trình cùng con khôn lớn, phát triển và trưởng thành trong tình yêu thương. Nhưng trên hết vẫn là sự vất vả, hi sinh thầm lặng của mẹ đã giúp con lớn khôn. Điều này được thể hiện thật xúc động trong những câu thơ dạt dào cảm xúc trước công lao trời biển ấy: *“Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao/ Lưng mẹ cứ còng dần xuống/ Cho con ngày một thêm cao”* [3, tr.59]. Sự đối lập: *“Lưng mẹ còng dần xuống - con ngày một thêm cao”* chính là biểu tượng của tình yêu vô điều kiện mà mẹ dành cho con. Mẹ càng gánh nặng, con càng được lớn lên, trưởng thành. *“Mẹ ơi, trong lời mẹ hát/ Có cả cuộc đời hiện ra/ Lời ru chắp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa”* [3, tr.59] lời hát của người mẹ giúp con hiểu thêm về cuộc đời, giúp con có thêm động lực để thực hiện những ước mơ. Lời ru của mẹ không chỉ là âm thanh vỗ về, mà còn là những giá trị, những bài học, những kì vọng mà mẹ muốn trao gửi cho con, mong muốn con vươn lên, vượt qua khó khăn để đạt được ước mơ. Và chúng ta cần phải luôn yêu thương, biết ơn và trân trọng mẹ của mình. Đó cũng chính là những lời nhắn nhủ thân tình và chân thành mà Trương Nam Hương muốn gửi đến mỗi bạn nhỏ, mỗi người đọc.

Cũng viết về tình mẫu tử thiêng liêng, nhưng nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm lại có cách thể hiện rất đặc biệt. Bài thơ *“Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ”* [7, tr.13] đã gắn tình cảm mẹ con với tình yêu quê hương đất nước. Tình cảm ấy trở lên lớn lao và vĩ đại hơn bởi sự gắn bó đặc biệt này. Bài thơ *“Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ”* của Nguyễn Khoa Điềm là một khúc ca ngọt ngào, sâu lắng, vừa chan chứa tình mẹ, vừa thấm đượm tình yêu quê hương, đất nước. Trong trích đoạn được học ở lớp 5, hình ảnh người mẹ Tà Ôi hiện lên thật đẹp, vừa giản dị vừa phi thường. Mẹ hiện lên trong những công việc hằng ngày: tia bắp trên nương, giã gạo nuôi bộ đội, địu con đi đánh giặc, nhưng dù ở hoàn cảnh nào, tình thương con vẫn tràn đầy, bao la. Điệp khúc *“Em bé ngủ ngoan trên lưng mẹ”* vang lên nhiều lần như lời ru dịu dàng, thể hiện nhịp sống, nhịp yêu thương

không ngừng của người mẹ giữa gian lao. Trên lưng mẹ, đứa con không chỉ được ấp ủ trong vòng tay thương yêu, mà còn lớn lên trong tiếng chày giã gạo, tiếng suối, tiếng rừng, trong hơi thở của đất nước đang chiến đấu. Nhà thơ đã khéo léo kết hợp giữa giọng ru truyền thống và âm hưởng hào hùng của thời đại, khiến bài thơ vừa gần gũi vừa thiêng liêng. Hình ảnh người mẹ Tà Ôi trong khúc hát ru là biểu tượng của sức sống, của lòng yêu nước và tinh thần kiên cường bất khuất của phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến. Qua đó, ta cảm nhận được vẻ đẹp của tình mẫu tử thiêng liêng hòa quyện với tình yêu quê hương, và hiểu rằng trong từng lời ru của mẹ còn có nhịp đập của Tổ quốc, của tương lai. Bài thơ để lại trong lòng người đọc niềm xúc động sâu sắc và lòng biết ơn đối với những người mẹ đã âm thầm góp phần làm nên chiến thắng và nuôi dưỡng hòa bình hôm nay.

Tình cảm cha con cũng là tình cảm gia đình đặc biệt. Tình cảm đó được thể hiện xúc động trong bài thơ “Thư của bố” [7, tr.30]. Bài thơ là một khúc tâm tình tha thiết, thể hiện tình cảm sâu nặng giữa người cha – người lính biển và đứa con thơ ở quê nhà. Qua hình thức bức thư, tác giả đã khắc họa hình ảnh người cha đang ngày đêm canh giữ biển trời Tổ quốc, mang trong mình cả trách nhiệm lớn lao và nỗi nhớ thương da diết. Ở phần đầu bài thơ, ta thấy hình ảnh người con đã quen với sự vắng mặt của cha, quen sống trong căn nhà chỉ có hai mẹ con, nhưng vẫn trông chờ từng lá thư gió lộng từ nơi biển xa. Những lá thư ấy không kể về gian khổ, bão tố hay hiểm nguy mà người lính biển phải đối mặt, mà chỉ gửi gắm tình yêu thương, niềm nhớ và sự dịu dàng của người cha dành cho con. Giọng thơ nhẹ nhàng, tha thiết, như một làn gió biển mặn mòi mang hơi ấm của cha về với đất liền. Hình ảnh “áo đọng muối khô, da nhận mùi nắng khét” gợi ra sự gian lao, vất vả nhưng cũng đầy tự hào của người lính biển đang ngày đêm bảo vệ Tổ quốc. Ở cuối bài, đứa con đã lớn khôn, hiểu được những điều cha không nói ra trong thư – đó là ý chí kiên cường, lòng yêu nước và sự hi sinh thầm lặng của người lính. Vẻ đẹp của bài thơ nằm ở sự hòa quyện giữa tình cha con ấm áp và tình yêu Tổ quốc thiêng liêng, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc tình cảm gia đình, niềm tự hào về những người cha đang âm thầm gìn giữ bình yên cho quê hương.

Không chỉ có những bài học giáo dục về sức mạnh, giá trị của tình yêu thương trong gia đình, các văn bản thơ trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) còn là những bài học sâu sắc về tình bạn bè, tình thầy trò, về sự kính trọng và lòng biết ơn thầy cô, mái trường. Bài thơ “Tiếng hạt nảy mầm” [6, tr.28] của nhà thơ Tô Hà là một tác phẩm đặc biệt và giàu tính nhân văn, khắc họa một cách xúc động về tình thầy trò và khao khát vươn lên của những học sinh khiếm thính (không nghe được). Bài thơ ca ngợi tâm lòng tận tụy của cô giáo, người đã dùng ngôn ngữ kí hiệu để gieo những “*hạt mầm*” âm thanh và tri thức vào tâm hồn các em. Bài thơ tái hiện không khí một lớp học đặc biệt - lớp học của những học sinh bị khiếm thính. Tại đây, mọi âm thanh của cuộc sống được truyền đạt không bằng lời nói mà bằng ngôn ngữ kí hiệu qua đôi bàn tay và ánh mắt của cô giáo. Hình ảnh thơ độc đáo, sử dụng hình ảnh “*Tiếng hạt nảy mầm*” để chỉ sự khởi đầu, sự tiếp nhận tri thức và sự phát triển trong tâm hồn học trò. “*Hạt mầm*” là tri thức, là âm thanh cuộc sống được cô giáo gieo vào. Chuyển đổi cảm giác (thính giác sang thị giác): đây là biện pháp nghệ thuật rất “đắt” và tinh tế, phù hợp với bối cảnh lớp học khiếm thính. “*Hót nắng vàng ánh ỏi*”: “*ánh ỏi*” chỉ âm thanh, sự ngân vang; được dùng để tả “*nắng vàng*” (thị giác). Các em không nghe được tiếng chim hót, nhưng có thể “nhìn thấy” âm thanh đó qua ánh sáng, qua kí hiệu của cô giáo. Sử dụng từ ngữ giàu cảm xúc, lắng đọng và cô đọng “*lặng chằm*”, “*mấp máy*”, “*rung rung*”. “*Đôi tay cô cụp mở/ Báo tung bùng âm thanh*” đôi tay cô giáo trở thành nguồn sáng tạo âm thanh, là cầu nối kì diệu giữa học trò và thế giới. Từ sự im lặng ban đầu của lớp học đến sự vỡ òa của niềm vui và hạnh phúc “*Ai nụ cười rung rung*”, cảm xúc lắng đọng và nhân văn. Bài thơ ca ngợi tình yêu thương, sự kiên nhẫn và tâm huyết của cô giáo đối với học trò. Đồng thời thể hiện niềm vui vỡ òa hạnh phúc của sự “*nảy mầm*” – khi những đứa trẻ khuyết tật đón nhận được tri thức, “*nghe*” được những âm thanh tuyệt diệu của cuộc sống qua hình ảnh và kí hiệu. Bài thơ khẳng định sức mạnh của tình yêu thương, của sự tận tâm trong giáo dục. Dù cuộc sống có những khiếm khuyết nhưng bằng tình người, bằng sự nỗ lực, mọi “*hạt mầm*” đều có thể nảy mầm và vươn lên mạnh mẽ.

Các VB thơ (phần *Đọc*) trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách KNTTVCS) đã gửi gắm đến HS những thông điệp, bài học quý giá về tình cảm gia đình, bạn bè, thầy cô. Tình cảm gia đình có thể giúp con người vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc sống. Nó là nơi cho ta sự an ủi, niềm tin, sự hi vọng để vượt qua những khó khăn ấy một cách dễ dàng. Tình cảm gia đình là thứ con người tìm về sau một chuyến đi dài mệt mỏi. Bạn bè, thầy cô và mái trường đều rất gần gũi, thân thiết và gắn liền với tuổi thơ của các em HS. Chắc chắn những ngày tháng được học, được chơi và lớn lên dưới mái trường thân yêu sẽ là những kỉ niệm dễ thương, ấm áp theo suốt cuộc đời các em.

1.2.3. Những trải nghiệm, khám phá và kết nối

Lão Tử đã từng nói rằng: *“Cuộc hành trình ngàn dặm nào cũng phải bắt đầu bằng một bước đi nhỏ bé đầu tiên”*. Hành trình để khám phá thế giới của con người luôn bắt đầu từ những trải nghiệm, tìm tòi và khám phá thế giới xung quanh. Cho dù là bước đi đầu tiên có nhỏ bé, nhưng chỉ cần dám bước đi, dám trải nghiệm và khám phá thì các em nhỏ sẽ học hỏi được nhiều điều mới mẻ và có ích cho bản thân. Thành công được tích lũy từ những trải nghiệm trong cuộc sống. Điều đó biểu hiện ở việc chúng ta dám bước đi và không ngần ngại nỗ lực, dám nghĩ và dám làm bằng những việc cụ thể.

Trải nghiệm là quá trình tiếp xúc, tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tế, từ đó cảm nhận và học hỏi những điều mới mẻ. Trải nghiệm giúp cá nhân phát triển kĩ năng sống, kĩ năng giao tiếp và khả năng thích nghi với môi trường xung quanh. Qua trải nghiệm, chúng ta có thể rút ra những bài học quý báu, hình thành nhận thức và phát triển cảm xúc. Khám phá là quá trình tìm hiểu và phát hiện ra những điều mới mẻ, thú vị trong thế giới. Khám phá khuyến khích sự tò mò, tư duy phản biện và khả năng sáng tạo, tự lập trong việc học hỏi và giải quyết vấn đề. Kết nối là quá trình thiết lập và duy trì mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên. Điều này giúp xây dựng sự gắn bó, tạo ra sự hỗ trợ và hợp tác trong cộng đồng. Trải nghiệm, khám phá và kết nối là những yếu tố thiết yếu để các em HS tiến bộ và trưởng thành hơn qua từng ngày.

Các VB Thơ trong SGK *Tiếng Việt 4, 5 (KNTTVCS)* đã khéo léo đưa vào bài học những kiến thức bổ ích để HS có thể trải nghiệm, khám phá và kết nối với thiên nhiên, cuộc sống, con người ngay trong trang thơ. Đường như mỗi VB thơ là một câu chuyện về sự trải nghiệm và khám phá của chính các em. Đặc biệt là những bài thơ thuộc các chủ đề: “Trải nghiệm và khám phá”, “Vì một thế giới bình yên”, “Thiên nhiên kì thú”.

Bài thơ “Bầu trời trong quả trứng” [3, tr.39] của Xuân Quỳnh là một tác phẩm đặc sắc mà tác giả sáng tác dành cho thiếu nhi. Bài thơ là hành trình trải nghiệm đặc biệt của chú gà con về quá trình hình thành, lớn lên của chính mình, về sự khám phá thế giới rộng lớn đầy thú vị xung quanh mình. Hay đó cũng chính là quá trình trưởng thành, khát vọng sống và niềm vui khi được bước ra khám phá thế giới rộng lớn bao la chính là các bạn nhỏ. Bài thơ “Bầu trời trong quả trứng” là một sáng tác giàu hình ảnh và ý nghĩa, thể hiện hành trình khám phá và kết nối với thế giới rộng lớn của chú gà con, qua đó gửi gắm thông điệp sâu sắc về quá trình trưởng thành và nhận thức của con người. Mở đầu bài thơ, chú gà con kể lại những ngày còn ở trong quả trứng – một “*bầu trời màu nâu*” nhỏ bé, khép kín, nơi không có gió, không có nắng, không có sắc màu. Cuộc sống khi ấy thật bình lặng, đơn điệu và vô tư: “*Đói, no chẳng biết đâu / Cứ việc mà yên ngủ*”. Nhưng rồi, bằng một khát khao mơ hồ, chú gà con đập vỡ lớp vỏ trứng, mở ra một thế giới mới mẻ, rực rỡ và đầy âm thanh, ánh sáng. Giây phút ấy chính là bước ngoặt trong hành trình trưởng thành, khi chú nhận ra niềm vui sống, biết “*thương yêu*”, biết tìm mẹ, biết tự lập và tận hưởng cuộc sống. “Bầu trời trong quả trứng” đối lập với “bầu trời ở bên ngoài” tượng trưng cho sự chuyển mình từ non nớt, hạn hẹp sang tự do, hiểu biết và trưởng thành. Giọng thơ nhẹ nhàng, trong sáng, gần gũi như lời tâm sự của một đứa trẻ đang khám phá thế giới. Qua hành trình ấy, tác giả muốn gửi đến người đọc, đặc biệt là các em HS, bài học ý nghĩa: chỉ khi dám bước ra khỏi giới hạn an toàn, dám khám phá và trải nghiệm, ta mới thật sự lớn lên và cảm nhận được vẻ đẹp vô tận của cuộc sống. Bài thơ vì thế vừa hồn nhiên, vừa sâu sắc, gợi mở niềm yêu thương và khát vọng vươn tới những chân trời mới.

Những trải nghiệm, khám phá và kết nối ấy còn được truyền đạt qua bài thơ “Ngày hội” [3, tr.131] - Định Hải. Bài thơ là một tác phẩm giàu hình ảnh và cảm xúc, thể hiện tình bạn, niềm tin và sự gắn kết mọi người trên toàn cầu dù khác màu da, tiếng nói, đặc biệt với trẻ em – những mầm non tương lai của đất nước. Bài thơ khắc họa một không gian sống động, không khí tung bừng, rộn ràng của một ngày hội trại hè vui tươi và tràn đầy màu sắc. Bài thơ là sự gặp gỡ, kết nối giữa các dân tộc, văn hóa trên thế giới. Từ Trung Quốc, châu Mỹ cho đến bên bờ Đa-nuýp, sự gắn kết giữa những trái tim đến từ nhiều phương trời, vượt qua mọi khoảng cách địa lí, màu da và ngôn ngữ tất cả đều hòa mình vào không khí vui tươi của ngày hội. “*Mỗi người một câu chúc/ Một lời nhắn với chim/ Dẫu khác nhau tiếng nói/ Chung nhau một niềm tin*”. Các bạn nhỏ đã gửi lời nhắn, lời chúc với bồ câu trắng về sự bình đẳng và hòa bình thế giới. Mặc dù có quốc tịch, màu da, ngôn ngữ khác nhau nhưng các bạn nhỏ đều chung một niềm tin, một ước vọng về tương lai tươi sáng. Điều này cũng giúp các bạn nhỏ có cảm giác như chính mình cũng đang hòa vào dòng người, tung tay chào đón bạn bè năm châu và thả những cánh chim bồ câu trắng lên bầu trời xanh. Ngày hội không chỉ là nơi để các em vui chơi, thể hiện sự kết nối giữa các bạn nhỏ năm châu mà còn là lời nhắn nhủ nhẹ nhàng về những giá trị nhân văn, khát vọng về một thế giới hòa bình mà thế giới cần giữ gìn và lan tỏa. Qua đó, bài thơ truyền tải một thông điệp vô cùng ý nghĩa về sự kết nối sâu sắc, tình bạn chân thành. Giúp các bạn nhỏ hiểu hơn về giá trị của sự kết nối, đoàn kết và cần yêu quý, trân trọng bạn bè và cùng nhau xây dựng một thế giới hòa bình, tươi đẹp.

Bài thơ “Mầm non” của Võ Quảng là một bức tranh thiên nhiên sinh động, đồng thời là hành trình khám phá và kết nối thế giới đầy cảm xúc của một mầm cây nhỏ. Mở đầu bài thơ, hình ảnh mầm non nép mình dưới vỏ cành bàng gợi cảm giác yên tĩnh, khép kín, như đang ngủ say giữa mùa đông lạnh giá. Thế nhưng, trong giấc ngủ ấy, mầm non đã bắt đầu nhận biết thế giới quanh mình – nó “*có nhìn qua kẽ lá*”, thấy mây bay, mưa phùn, lá vàng rơi, rừng cây thưa thớt, vạn vật chìm trong tĩnh lặng. Tất cả những hình ảnh ấy cho thấy mầm non đang dần thức tỉnh, quan sát và lắng nghe hơi thở của thiên nhiên. Khi tiếng chim vang lên báo

hiệu mùa xuân đến, vạn vật bừng tỉnh: suối reo, chim hót, cây cối rộn ràng. Cũng chính lúc đó, mầm non hòa nhịp cùng thiên nhiên, “*vội bật chiếc vỏ rơi*”, “*đứng dậy giữa trời*”, khoác lên mình “*áo màu xanh biếc*”. Hành động ấy biểu trưng cho sự vươn mình mạnh mẽ, khát vọng sống và hòa nhập với cuộc đời. Giọng thơ nhẹ nhàng, giàu nhạc điệu, ngôn ngữ trong sáng giúp người đọc cảm nhận được niềm vui, niềm hạnh phúc của sự sống trỗi dậy. Qua hành trình của mầm non, nhà thơ gửi gắm thông điệp sâu sắc: mỗi sinh linh đều có thời khắc thức dậy, dũng cảm bước ra khỏi lớp vỏ cũ để đón nhận ánh sáng, kết nối với thế giới rộng lớn và tươi đẹp hơn. Bài thơ vì thế không chỉ ca ngợi thiên nhiên mà còn khơi dậy niềm tin vào sức sống, vào hành trình trưởng thành của mỗi con người.

Những trải nghiệm, khám phá và kết nối đã mở ra cho HS một hành trình học tập đầy cảm hứng và ý nghĩa. Mỗi bài học như một cánh cửa dẫn các em bước vào thế giới rộng lớn, đầy màu sắc. Qua quá trình trải nghiệm, HS không chỉ được tiếp cận với tri thức mới mà còn rèn luyện khả năng quan sát, tư duy sáng tạo và biểu đạt cảm xúc. Mỗi trang thơ, mỗi câu chuyện đều mang đến cơ hội để các em cảm nhận vẻ đẹp của cuộc sống, của con người và thiên nhiên xung quanh. Hành trình ấy còn giúp HS nhận ra giá trị của sự sẻ chia, thấu hiểu và đồng cảm với người khác. Từ đó, các em học được cách lắng nghe, kết nối bản thân với thế giới bằng trái tim và tâm hồn trong sáng. Chính những trải nghiệm ấy đã góp phần nuôi dưỡng tình yêu học tập, khơi dậy niềm say mê khám phá và mở ra những chân trời tri thức mới.

1.2.4. Ước mơ và khát vọng

Có người đã từng nói : “*Ước mơ giống như ngọn hải đăng, chúng ta là những con thuyền giữa biển khơi bao la, ngọn hải đăng thấp sáng giúp cho con thuyền của chúng ta đi tới được bến bờ mà không mất phương hướng*”. Ước mơ là thứ không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Cuộc đời của con người sẽ tẻ nhạt và vô nghĩa nếu không có ước mơ. Bởi ước mơ giống như ngọn hải đăng, soi sáng cho những con thuyền đang lênh đênh tìm được phương hướng tới bến bờ. Ước mơ còn nuôi dưỡng tâm hồn ta lớn lên, có mục đích và lí tưởng sống, có hi vọng vào tương lai, có được hạnh phúc. Còn khát vọng lại là mong muốn, khát

khao mãnh liệt hướng tới những lí tưởng, những điều lớn lao tốt đẹp. Đó là nguồn động lực to lớn giúp chúng ta vượt qua được khó khăn để vươn tới những thành công. Muốn đạt được mục tiêu, lí tưởng không chỉ cần có khát vọng, mà khát vọng ấy còn phải đi kèm với sự nỗ lực, cố gắng không ngừng nghỉ, sự quyết tâm vượt qua mọi thử thách mới có thể chạm tay đến cánh cửa của thành công.

Các VB thơ trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (KNTTVCS) đã góp phần giáo dục các em HS về hoài bão, ước mơ và biết sống có khát vọng. Mỗi bài thơ là tiếng nói chân thành của các em về những ước mơ nhỏ bé, giản dị như được tới trường, được quan tâm chăm sóc bởi ông bà cha mẹ đến những khát vọng lớn lao hơn cho quê hương, đất nước và thậm chí cả sự hòa bình cho cả thế giới.

Khát vọng được học tập, được phát triển được thể hiện một cách khéo léo thông qua bài thơ “Gặt chữ trên non” [2, tr.63] của tác giả Bích Ngọc. Mở đầu bài thơ, tác giả đã cho ta thấy được tinh thần hiếu học, khát khao được tới trường của các bạn nhỏ vùng cao.

Bình minh vừa tỉnh giấc
Nắng nhuộm hồng núi xanh
Tiếng trống rung vách đá
Giục đôi chân bước nhanh.

Những câu thơ tươi sáng, đầy màu sắc gợi ra một khung cảnh đẹp đẽ vào buổi sáng nơi núi rừng. Khi “*Bình minh vừa tỉnh giấc*”, ánh nắng hồng bao trùm các ngọn núi, cũng là lúc các bạn nhỏ vùng cao tới trường.

Em đi tìm cái chữ
Vượt suối lại băng rừng
Đường xa chân có mỏi
Chữ vẫn gửi trên lưng.

Hành trình vươn tới ước mơ, đi tìm cái chữ của các bạn nhỏ vùng cao chưa bao giờ là dễ dàng. Những lần “*vượt suối*”, “*băng rừng*” đầy hiểm nguy, dẫu “*đường xa*”, “*chân mỏi*” nhưng các em vẫn quyết tâm để “*gặt*” chữ chính là minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng nghỉ của các em trên hành trình ấy. Thành quả ngọt ngào cho sự nỗ lực ấy là những điều thật tươi đẹp:

Càng đi chân càng vững
Lớp học ngang lưng đồi
Mắt em như sao sáng
Gặt chữ trên đỉnh trời!

Giờ đây, cái chữ đã đến muôn nơi, nó “bay lên” đem theo cả những ước mơ khát vọng bay cao bay xa. Nó đem đến niềm vui, lan tỏa niềm vui ấy ở không gian rộng lớn. Tiếng chim hát, tiếng rừng ríu ran là những âm thanh của sự vui tươi, âm thanh của sự tự do, những bông lúa trĩu hạt nơi đại ngàn là sự phát triển mạnh mẽ. Thông qua những âm thanh và hình ảnh ấy, ta thấy được tri thức và thiên nhiên như đang hòa vào một, sự hài hòa tạo ra một khung cảnh tuyệt đẹp. Và sự hài hòa ấy chính là kết quả ngọt ngào của hành trình đầy khó khăn, nó được tạo nên bởi chính những ước mơ, hoài bão của các bạn nhỏ - ước mơ đem con chữ về cho bản làng. Càng khó khăn, các em càng nỗ lực, càng vững vàng và mạnh mẽ hơn. Dù có vô vàn thử thách cản trở các em trên hành trình vươn tới tri thức, nhưng các em luôn nỗ lực. Bởi các em hiểu rằng có chữ, có tri thức mới giúp các em bay cao, bay xa. Khi những khó khăn qua đi là lúc ta gặt hái được những quả ngọt, hay nói cách khác là ta có được cho mình những giá trị tốt đẹp trong hành trình theo đuổi ước mơ.

Suy nghĩ của trẻ thơ bao giờ cũng trong sáng, hồn nhiên, và cả ước mơ của các em cũng vậy. Các em không chỉ có một mà có rất nhiều ước mơ. Các em nhỏ cùng nhau gom góp ước mơ để rồi “Bốn mùa mơ ước” [2, tr122] và những ước mơ ấy vô cùng đáng yêu, giản đơn nhưng lại cũng rất trí tuệ, sâu sắc: em mơ mình là cánh én, em mơ mình làm cơn gió, em mơ là vàng trắng tỏ, em mơ mình là ngọn lửa, em mơ về con đường xa, mơ về chân trời bao la.

Yêu từng dặm dài đất nước
Em mơ về con đường xa
Bốn mùa còn bao mơ ước
Ở phía chân trời bao la.

Khác với bốn khổ thơ đầu, khổ thơ cuối cho ta thấy trẻ em với ước mơ to lớn hơn về tương lai. “*Yêu từng dặm dài đất nước/Em mơ về con đường xa*”, ước

mơ không còn bị bó hẹp trong từng khoảng khắc của bốn mùa, mà đã vươn ra tới chân trời rộng lớn. Hình ảnh “*chân trời bao la*” như một lời hứa hẹn, một sự mong đợi vào tương lai. Ở phía chân trời ấy, là hành trình của sự trưởng thành, hành trình chinh phục những ước mơ lớn lao hơn. “Bốn mùa mơ ước” [2, tr.122] là tác phẩm chứa đựng những mơ ước đẹp đẽ, trong sáng của trẻ thơ. Mỗi ước mơ là một mong muốn của bạn nhỏ về cuộc sống, hi vọng vào một tương lai tươi sáng. Không chỉ thế, bài thơ còn cho ta thấy được khát vọng sống tích cực, sống biết chia sẻ yêu thương, biết cống hiến những điều tốt đẹp cho xã hội.

Bài thơ “Nếu chúng mình có phép lạ” là một khúc ca trong trẻo, hồn nhiên nhưng giàu ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Qua những ước mơ tưởng chừng như viễn vông của tuổi thơ, tác giả đã thể hiện tâm hồn trong sáng, trí tưởng tượng phong phú và khát vọng hướng tới một thế giới tốt đẹp hơn. Những “*phép lạ*” trong bài thơ không phải là điều gì xa xôi hay kỳ bí, mà là những ước mơ giản dị, gắn với cuộc sống và lòng nhân ái của con người. Ước mơ “*bắt hạt giống nảy mầm nhanh, chớp mắt thành cây đầy quả*” thể hiện mong muốn cho cuộc sống no đủ, ấm áp, mọi người đều được hưởng hạnh phúc giản đơn. Ước mơ “*ngủ dậy thành người lớn ngay, đưa thì lặn xuống đáy biển, đưa thì ngồi lái máy bay*” thể hiện khát vọng khám phá, chinh phục thiên nhiên, mở rộng hiểu biết của trẻ thơ. Còn ước mơ “*đúc thành ông Mặt Trời mới, mãi mãi không còn mùa đông*” lại ẩn chứa niềm mong mỏi xua tan giá lạnh, mang ánh sáng, niềm vui cho mọi người. Đặc biệt, ước mơ “*hóa trái bom thành trái ngon, trong ruột không còn thuốc nổ*” là hình ảnh đẹp nhất – nó thể hiện ước vọng về hòa bình, về một thế giới không còn chiến tranh, đau khổ. Giọng thơ nhịp nhàng, vui tươi, điệp khúc “*Nếu chúng mình có phép lạ!*” lặp lại nhiều lần như một lời hát ngân vang, vừa ngây thơ vừa chứa đựng niềm tin mãnh liệt. Cái hay, cái đẹp của bài thơ nằm ở chỗ ước mơ của trẻ nhỏ tuy giản dị nhưng trong đó chứa đựng những giá trị lớn lao: tình yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống và khát vọng xây dựng một thế giới hòa bình, hạnh phúc. Bài thơ giúp người đọc nhận ra rằng, chính những ước mơ hồn nhiên, tốt đẹp ấy là nguồn sức mạnh nuôi dưỡng tâm hồn và mở ra tương lai tươi sáng cho con người..

Được sống trong một thế giới hòa bình có lẽ là ước muốn của tất cả chúng ta. Một hành tinh không có chiến tranh, nơi mà mọi người trên khắp thế giới có thể cùng nhau nhảy múa, hát ca thật tuyệt vời biết bao. Đó cũng chính là điều mà hàng trăm hàng triệu trẻ em trên Trái Đất hằng mong ước, là khát vọng của cả nhân loại. Ước mơ ấy đã được Định Hải thể hiện dưới cái nhìn của trẻ thơ qua bài “Bài ca Trái Đất” [7, tr. 122]. Bài thơ “Bài ca Trái Đất” của Định Hải là một bản hòa ca rộn ràng, trong sáng, thể hiện ước mơ, hoài bão cao đẹp của tuổi thơ về tình yêu hòa bình, tình đoàn kết và khát vọng bảo vệ hành tinh xanh của con người. Mở đầu bài thơ, hình ảnh “*Trái đất này là của chúng mình – Quả bóng xanh bay giữa trời xanh*” hiện lên thật đẹp và hồn nhiên. Trái Đất được ví như một quả bóng xanh, vừa gần gũi vừa gợi cảm giác tươi trẻ, tràn đầy sức sống. Tiếng gọi thân thương “*Bồ câu ơi, Hải âu ơi*” như lời mời gọi muôn loài cùng chung vui, cùng bay lượn để giữ cho Trái Đất quay, cho cuộc sống mãi sinh sôi. Ở khổ thơ thứ hai, tác giả ca ngợi tình bạn giữa những người trẻ trên khắp năm châu, dù khác màu da, ngôn ngữ nhưng đều là “*nụ, là hoa của đất*”, cùng nhau góp sức, góp hương làm đẹp cho cuộc đời. Qua đó, bài thơ gửi gắm thông điệp về tình đoàn kết, bình đẳng, yêu thương giữa con người với con người. Đến khổ cuối, giọng thơ trở nên mạnh mẽ và sâu sắc hơn khi cảnh báo “*khói hình nấm là tai họa đấy – Bom H, bom A không phải bạn ta*”, thể hiện ước mơ về một thế giới không có chiến tranh, không bạo lực, nơi tiếng hát, tiếng cười vang lên giữ bình yên cho Trái Đất. Điệp khúc “*Hành tinh này là của chúng ta!*” vừa khẳng định quyền làm chủ, vừa nhắc nhở trách nhiệm của mỗi người trong việc giữ gìn và bảo vệ ngôi nhà chung của nhân loại. Cái hay, cái đẹp của bài thơ nằm ở sự kết hợp hài hòa giữa nhạc điệu tươi vui, hình ảnh giàu sức gợi và tư tưởng nhân văn sâu sắc, giúp người đọc – đặc biệt là trẻ em – hiểu rằng ước mơ lớn lao không chỉ là mơ về bản thân, mà còn là khát vọng gìn giữ hòa bình, bảo vệ Trái Đất – mái nhà chung của muôn loài.

Các VB thơ (phần *Đọc*) trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5 (Bộ sách KNTTVCS) đã gửi gắm đến HS những thông điệp, bài học quý giá về ước mơ và khát vọng. Các tác phẩm ấy không chỉ nuôi dưỡng ước mơ của các em, mà còn giúp các em

định hướng tương lai, trau dồi thêm các kĩ năng cần thiết để theo đuổi ước mơ. Ước mơ và khát vọng của trẻ em rất ngây thơ, hồn nhiên nhưng cũng trưởng thành, to lớn. Mơ ước và khát khao từ thuở nhỏ của các em giờ đây lại càng trở lên giá trị và đẹp đẽ hơn qua quá trình học tập tiếp thu tri thức. Thông qua những VB thơ phân Đọc nhẹ nhàng mà ý nghĩa đã khơi gợi cho HS trí tưởng tượng và óc sáng tạo phong phú, tăng khả năng tư duy, bồi dưỡng năng lực và phẩm chất cần thiết cho HS. Hơn nữa, các tác phẩm trên còn giáo dục HS về sự nỗ lực, ý chí vượt qua khó khăn để theo đuổi ước mơ và khát vọng của mình, dạy các em biết trân trọng những điều giản dị, biết kiên trì trên hành trình thực hiện mục tiêu. Con đường đến với ước mơ và khát vọng chưa bao giờ là dễ dàng, có hàng ngàn thử thách đang chờ đợi, nhưng đừng vội từ bỏ, bởi trên hành trình theo đuổi ước mơ các em đã thu về cho mình rất nhiều bài học quý giá. Ước mơ và khát vọng không chỉ là đích đến, mà chính là động lực thôi thúc HS vượt qua những rào cản, giúp các em vững bước trên đường đời.

Kết luận chương 1

Các VB thơ trong SGK *Tiếng Việt 4, Tiếng Việt 5* (KNTTVCS) được sắp xếp và trình bày một cách khoa học, cụ thể, có sự liên kết chặt chẽ với nhau giữa các mạch nội dung. Số lượng VB thơ được phân bố hợp lý và chiếm hơn 1/4 tổng số VB trong chương trình *Tiếng Việt*, thể hiện vị trí quan trọng của thơ trong việc hình thành năng lực ngôn ngữ, bồi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và phẩm chất cho HS. Các tác phẩm thơ được trình bày sinh động qua các hình ảnh minh họa rõ nét, màu sắc hài hòa, tạo hứng thú học tập. Nhìn chung, hệ thống các VB thơ được xây dựng trong SGK *Tiếng Việt 4,5* (KNTTVCS) đóng vai trò thiết yếu trong việc đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện, giúp HS phát triển đồng đều cả về tri thức, cảm xúc và nhân cách.

Tuy được trình bày với nhiều thể thơ khác nhau, nhưng các VB thơ trong SGK *Tiếng Việt 4, Tiếng Việt 5* (KNTTVCS) luôn có sự thống nhất về nội dung, gắn liền tri thức với cuộc sống giúp HS dễ dàng tiếp cận và liên hệ với cuộc sống của chính mình. Các thi phẩm khơi dậy trong mỗi tâm hồn trẻ thơ tình yêu quê hương, đất nước thông qua việc khám phá vẻ đẹp đa dạng của thiên nhiên và nuôi dưỡng ý thức bảo vệ, xây dựng Tổ quốc. Bên cạnh đó, các bài thơ còn truyền tải thông điệp, lời gửi gắm sâu sắc của tác giả về tình cảm gia đình, tình bạn và lòng kính trọng thầy cô - một trong những giá trị nhân văn sâu sắc của người con Việt Nam. Nhiều tác phẩm đã đóng vai trò như một cánh cửa mở ra vô vàn những điều mới lạ để các em trải nghiệm, giúp HS rèn luyện khả năng quan sát, cảm thụ văn học và kết nối với thế giới xung quanh bằng trí tưởng tượng phong phú, sự sáng tạo từ chính những tâm hồn trong sáng. Cuối cùng, các VB thơ còn khơi dậy trong các em một ước mơ, khát vọng vươn lên, bồi đắp niềm tin, nghị lực và lí tưởng sống cao đẹp trên hành trình trưởng thành của mình.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CỦA CÁC VĂN BẢN THƠ TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT (BỘ SÁCH KNTTVCS)

2.1. Sự đa dạng thể thơ

Thể thơ là một tập hợp các quy tắc, quy định về hình thức của một bài thơ, bao gồm số câu, số chữ (tiếng) trong mỗi câu, cách gieo vần (vần chân, vần lưng) và nhịp điệu (cách ngắt nhịp)... được sử dụng. Mỗi thể thơ mang một cấu trúc và đặc trưng riêng biệt, góp phần tạo nên âm hưởng và phong cách độc đáo cho bài thơ. Một số thể thơ thường gặp như *lục bát*, *song thất lục bát*, *thất ngôn bát cú*, *thất ngôn tứ tuyệt*, *ngũ ngôn bát cú*, *thơ bốn chữ*, *thơ năm chữ*, *thơ sáu chữ*, *thơ tự do*...

Ở lứa tuổi Tiểu học, đặc biệt là lớp 4, 5, trẻ em đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ về ngôn ngữ, trí tưởng tượng và cảm xúc. Để phù hợp với đặc điểm tâm lí, khả năng nhận thức cảm xúc của HS, các bài thơ được lựa chọn đưa vào chương trình thường có vần điệu rõ ràng, nhịp điệu dễ cảm nhận và cấu trúc không quá phức tạp. Trong đó, một số thể thơ thường được sử dụng như thơ Lục bát, thơ 4 chữ, thơ 5 chữ, thơ 6 chữ, thơ 7 chữ hay thể thơ tự do.

Thể thơ của các bài thơ trong SGK *Tiếng Việt 4,5* được liệt kê cụ thể tại bảng 1.1.1 phần Phụ lục. Trên cơ sở đó, bảng 2.1 đã thống kê số lượng, tỉ lệ các bài thơ thuộc các thể thơ khác nhau theo từng khối lớp và bảng 2.2 đã cụ thể hóa số lượng, tỉ lệ các bài thơ thuộc các thể thơ khác nhau của cả hai khối lớp 4 và lớp 5.

Bảng 2.1. Số lượng các bài thơ thuộc các thể thơ khác nhau theo từng khối lớp

Lớp	Thể thơ	Số bài	Tỉ lệ (%)
Lớp 4	4 chữ	1	6.25%
	5 chữ	8	50%
	6 chữ	3	18.75%
	Lục bát	3	18.75%
	Tự do	1	6.25%
	Tổng	16	100%

Lớp 5	4 chữ	1	5.88%
	5 chữ	6	35.29%
	6 chữ	1	5.88%
	7 chữ	1	5.88%
	8 chữ	1	5.88%
	Lục bát	1	5.88%
	Tự do	6	35.39%
	Tổng	17	100%

Bảng 2.2. Số lượng các bài thơ thuộc các thể thơ khác nhau của cả hai khối lớp 4 và lớp 5

Thể thơ	Số bài	Tỉ lệ (%)
4 chữ	2	6.06%
5 chữ	14	42.42%
6 chữ	4	12.12%
7 chữ	1	3.03%
8 chữ	1	3.03%
Lục bát	4	12.12%
Tự do	7	21.21%
Tổng	33	100

Như vậy, dựa vào bảng 2.1 có thể thấy các thể thơ được sử dụng rất linh hoạt và đa dạng trong các VB thơ của SGK *Tiếng Việt* 4, 5. Trong đó, ở chương trình lớp 4 thể thơ 5 chữ chiếm ưu thế rõ rệt và chiếm tỉ lệ 50%. Cấu trúc 5 chữ, thường được chia nhịp 2/3, 3/2 tạo ra nhịp điệu cân đối, dễ thuộc và cung cấp đủ không gian diễn đạt cho các chủ đề mang tính tự sự nhẹ nhàng. Thể thơ Lục Bát cũng được sử dụng khá nhiều (18.75%), giúp các em HS làm quen với một thể thơ truyền thống của dân tộc, vừa nhẹ nhàng lại giàu cảm xúc. Thể thơ Tự do khuyến khích HS cảm nhận nhịp điệu tự nhiên của ngôn ngữ mà không bị gò bó bởi quy tắc vần và tiếng cụ thể cũng xuất hiện trong chương trình và chiếm 6.25%.

Thể thơ Tự do thường áp dụng cho các bài thơ mới, hiện đại. Thể thơ 7 chữ và thể thơ 8 chữ không xuất hiện trong chương trình *Tiếng Việt* lớp 4. Qua đó, có thể thấy SGK *Tiếng Việt 4* của bộ sách KNTTVCS đã có sự linh hoạt trong các thể thơ, giúp HS tiếp cận nhiều thể loại thơ khác nhau.

Ở lớp 5, thể thơ Ngũ ngôn (5 chữ) vẫn là thể thơ chủ đạo, được sử dụng nhiều (35.29%). Thể thơ Tự do, tỷ lệ đã tăng so với lớp 4 (từ 6.25% lên 35.39%) tập trung vào các chủ đề hiện đại và mang tính cá nhân hóa. Còn lại là các thể thơ khác như thơ 4 chữ, thơ 6 chữ, thơ 7 chữ. Tuy nhiên tần số xuất hiện của các thể thơ này tương đối hạn chế.

Sự tổng hợp về số lượng và tỉ lệ của mỗi thể thơ trong SGK *Tiếng Việt 4, 5* được cụ thể hóa trong bảng 2.2. Dựa vào đây, có thể thấy thể thơ được sử dụng nhiều nhất trong chương trình Tiểu học đó là thể thơ 5 chữ chiếm tỉ lệ 42.42% (14/33 bài) bởi sự gần gũi, dễ tiếp nhận và phù hợp đối tượng HS lớp 4, 5. Tiếp đó là thể thơ tự do chiếm 21.21% (7/33 bài). Thể thơ này phản ánh sự chú trọng vào tính linh hoạt và biểu cảm, trữ tình trong thơ. Thơ lục bát chiếm tỉ lệ 12.12% (4/33 bài), giúp HS hiểu hơn về một thể thơ truyền thống của dân tộc ngay từ bậc học tiểu học. Thể thơ lục bát có tính nhạc điệu cao, dễ đọc, dễ nhớ, giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn ngữ mẹ đẻ một cách tự nhiên. Thể thơ 5 chữ và thể thơ tự do vẫn chiếm ưu thế hơn cả cho thấy chương trình SGK mới ưu tiên khả năng diễn đạt tự do và cấu trúc đơn giản, giảm thiểu áp lực học thuộc lòng các luật thơ chặt chẽ (Đường luật), phù hợp với đối tượng HS tiểu học. Từ đó, thơ ca sẽ là phương tiện kích thích cảm xúc và trí tưởng tượng, hoàn toàn phù hợp với tâm lí lứa tuổi tiểu học. Sự hạn chế rõ rệt được ghi nhận đối với thể thơ 7 chữ và 8 chữ, các thể thơ phức tạp và câu thơ dài.

SGK *Tiếng Việt lớp 4,5* (bộ sách KNTTVCS) có sự đa dạng về thể thơ. Việc tích hợp các thể thơ truyền thống như lục bát, thơ 5 chữ, thơ 6 chữ... với các thể thơ hiện đại và linh hoạt hơn như thơ tự do đã mang đến cho HS một sự tiếp xúc phong phú và cách nhận diện bức tranh thơ ca đa dạng của Việt Nam.

Sự đa dạng thể thơ trong chương trình Tiếng Việt Kết nối tri thức với cuộc sống được thiết kế theo lộ trình từ đơn giản đến phức tạp. Giai đoạn lớp 1,2,3 HS

làm quen và phát triển nhịp điệu (thơ ngắn, luật lỏng). Trong giai đoạn đầu, mục tiêu chính là giúp HS làm quen, yêu thích thơ và phát triển khả năng cảm nhận vần điệu một cách tự nhiên. Do đó, SGK tập trung vào các thể thơ có tính chất đơn giản, dễ nhớ, dễ thuộc. Thơ 4 chữ, đây là thể thơ phổ biến nhất với cấu trúc gọn gàng (4 tiếng/ câu), nhịp điệu dễ đọc thường là 2/2. Thể thơ này đặc biệt hiệu quả trong việc giúp các em nhỏ nắm bắt vần chân (vần cuối câu) một cách rõ ràng và làm quen với ngôn ngữ thơ ca. Thơ 5 chữ bắt đầu xuất hiện để tăng độ dài câu, cho phép diễn đạt ý nghĩa phức tạp hơn một chút. Nhịp điệu chủ yếu là 2/3 hoặc 3/2, vẫn duy trì tính đơn giản, gần gũi. Thơ tự do, các bài thơ này có số tiếng không đều giữa các câu nhưng lại có vần điệu rõ ràng, thường mang tính kể chuyện đơn giản hoặc mô tả sự vật cụ thể, giúp học sinh nhận diện hình ảnh và cảm xúc một cách trực quan nhất. Ở giai đoạn các lớp 1,2,3; sự đa dạng thể thơ ở giai đoạn này chủ yếu xoay quanh việc lựa chọn các bài thơ ngắn gọn, cấu trúc lỏng lẻo về luật, tập trung vào vần và nhịp điệu tự nhiên để hình thành nền tảng cảm thụ.

Lên giai đoạn lớp 4,5 được mở rộng, cảm thụ chuyên sâu. Lên đến lớp 4,5 HS đã có vốn từ vựng và khả năng cảm thụ nhất định. Chương trình bắt đầu mở rộng sang các thể thơ có luật chặt chẽ hơn và sức diễn đạt sâu sắc hơn, hướng đến phát triển khả năng phân tích nghệ thuật. Thơ lục bát là sự bổ sung quan trọng nhất, là thể thơ truyền thống của dân tộc, lục bát có luật bằng trắc và cách gieo vần phức tạp hơn (vần lưng, vần chân, vần liền), giúp các em làm quen với tính nhạc và tính văn hóa của thơ ca Việt Nam. Thơ 7 chữ, 8 chữ độ dài câu thơ tăng lên đáng kể, cho phép diễn đạt các chủ đề lớn hơn, mang tính xã hội, lịch sử hoặc trữ tình sâu sắc hơn. Nhịp thơ cũng trở nên linh hoạt hơn (4/3 hoặc 3/4) tùy theo nội dung biểu đạt. Thơ tự do trữ tình khác với thơ tự do mang tính đồng dao ở lớp dưới, thơ tự do ở giao đoạn này thường có dung lượng lớn, giàu hình ảnh biểu tượng, ẩn dụ và chứa đựng những cảm xúc cá nhân, triết lí nhất định. Sự đa dạng thể thơ ở lớp 4,5 thể hiện rõ qua sự xuất hiện của các thể thơ có luật và dung lượng lớn, chuyển trọng tâm từ việc đọc đúng, đọc thuộc sang việc cảm thụ nghệ thuật, phân tích cấu trúc (vần, nhịp) và ý nghĩa biểu đạt của tác phẩm.

2.2. Ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng của con người. Nó giúp con người diễn tả suy nghĩ, cảm xúc và kết nối với cộng đồng. Tuy nhiên, ngôn ngữ không chỉ là một công cụ giao tiếp mà còn là chất liệu của văn học. Trong văn chương, ngôn ngữ được chọn lựa một cách tỉ mỉ, kĩ càng, sắp xếp sáng tạo đảm bảo thể hiện rõ nét nội dung, tình cảm, tư tưởng của VB. Mỗi nhà văn, nhà thơ đóng vai trò như người nghệ sĩ ngôn từ, họ “nhào nặn” ngôn ngữ để khắc họa cuộc sống hằng ngày, thiên nhiên, con người... nhờ đó tạo ra những tác phẩm văn học giàu tính thẩm mỹ và nhân văn. Chính vì lẽ đó, ngôn ngữ là linh hồn của văn học, là sợi dây liên kết tác giả với người đọc, là yếu tố thể hiện rõ bản sắc cá nhân và tài năng của tác giả. Đặc biệt, trong thơ ca, ngôn ngữ lại càng quan trọng trong việc thể hiện nội dung tác phẩm, nó góp phần khẳng định màu sắc riêng của người cầm bút.

Ngôn ngữ thơ là những câu từ, con chữ được tác giả chọn lọc, mã hóa, chau chuốt một cách tỉ mỉ từ ngôn ngữ đời sống, là phương tiện góp phần làm nên cái hay cái đẹp của bài thơ.

Đối với HS lớp 4, 5 khả năng tư duy trừu tượng và nhận thức của các em vẫn đang trong quá trình phát triển, vì vậy các tác phẩm thơ phần *Đọc* trong SGK đều được lựa chọn kĩ lưỡng, tỉ mỉ, đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và khả năng tiếp nhận của HS. Ở độ tuổi này, HS chủ yếu học bằng phương pháp trực quan, cụ thể. HS có thể dễ dàng tiếp nhận tri thức thông qua các hình ảnh sinh động và dễ hiểu, tuy nhiên các em có thể sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp thu những khái niệm trừu tượng và phức tạp. Chính vì vậy, những VB thơ có dung lượng lớn, chứa đựng những ngôn từ mang tính trừu tượng, đa tầng đa nghĩa sẽ khiến HS khó tiếp nhận. Nắm rõ đặc điểm tâm lí cũng như khả năng tiếp nhận của các em HS lớp 4, 5, các tác giả của *SGK Tiếng Việt 4, 5* (Bộ sách *KNTTVCS*) đã lựa chọn những VB thơ có dung lượng vừa đủ, ngôn ngữ đơn giản, gần gũi và qua ngôn ngữ, thế giới thiên nhiên và con người hiện lên sinh động, giàu hình ảnh, và cảm xúc.

Có thể thấy sự xuất hiện liên tục các hình ảnh thơ trong mỗi VB. Bài thơ “Mầm non” [6, tr.64] của Võ Quảng đã mở ra một khung cảnh mùa xuân đầy sức sống của thiên nhiên với những hình ảnh sinh động. Nhà thơ đã sử dụng những từ ngữ quen

thuộc, gần gũi với cuộc sống hằng ngày của HS tiểu học. Đó là những sự vật, hiện tượng mà các em dễ dàng bắt gặp trong đời thường (lá, mây, mưa phùn...), câu thơ ngắn nhưng giàu hình ảnh (*“Mầm non mắt lim dim/ Khẽ nhìn qua kẽ lá/ Thấy mây bay hối hả/ Thấy lát phát mưa phùn [...] Rào rào trận lá tuôn/ Trải đầy trên mặt đất/ Rừng cây thông thưa thớt/ Thấy chỉ cội với cành”*...). Từ đó, bài thơ đã vẽ ra một bức tranh thiên nhiên đầy màu sắc, sức sống và cảm xúc. Những hình ảnh xuất hiện liên tiếp khiến bức vẽ về thiên nhiên không còn tĩnh lặng, mà như đang trong trạng thái chuyển động, biến đổi liên tục. Sự sống đang tái tạo và phát triển qua từng phút giây, không ngừng nghỉ. Vạn vật như đang hồi sinh, khẽ cựa mình chào đón mùa xuân – mùa của sự sinh sôi, mùa của những điều mới mẻ.

Những hình ảnh cuộc sống sinh động, gần gũi còn được tác giả Nguyễn Đình Ảnh khắc họa rõ nét trong bài thơ “Trước cổng trời” [6, tr.47]. Khung cảnh cổng trời hiện ra với sự hùng vĩ và vẻ lung linh huyền ảo: *“Giữa hai bên vách đá/ Mở ra một khoảng trời/ Có gió thoảng mây trôi/ Cổng trời trên mặt đất?”*. Giữa hai bên vách đá to lớn, đồ sộ, một khung ảnh hùng vĩ hiện ra với hình ảnh ngọn núi cao tưởng chừng như là nơi giao nhau giữa trời và đất, những đám mây trôi theo chiều gió nơi đại ngàn. Thêm vào đó là hình ảnh về các loài động - thực vật nơi đây: *“Nhìn ra xa ngút ngát/ Bao sắc màu cỏ hoa/ Con thác réo ngân nga/ Đàn dê soi đáy suối”*. Thiên nhiên nơi đây với hàng ngàn bông hoa đang tỏa sắc, với thác nước cao trắng xóa đang đổ xuống triền núi vang vọng như đang *“ngân nga”* giai điệu của núi rừng. Bên dòng suối mát uồn lượn dưới chân núi, những chú dê nhỏ đang thong dong *“soi đáy suối”*, như đang ngắm nhìn, làm đẹp cho mình. Cả một thế giới đầy sức sống, đa dạng sắc màu của tạo vật hiện lên tươi đẹp nhưng cũng không kém phần thơ mộng, trữ tình. Trên cái nền thiên nhiên ấy, hình ảnh con người lao động nổi bật: *“Những vạt nương màu mật/ Lúa chín ngập lòng thung...”*, *“Người Tày từ khắp ngã/ Đi gặt lúa, trồng rau/ Những người Giáy, người Dao/ Đi tìm măng, hái nấm/ Vạt áo chàm thấp thoáng/ Nhuộm xanh cả nắng chiều”*. “Màu mật” màu của sự bội thu, màu của bông lúa chín và là màu của thành quả lao động. Đây có lẽ là những hình ảnh đẹp nhất trong bài thơ - con người đã làm chủ bức tranh thiên nhiên. Con người và thiên nhiên giao hòa, cùng tô điểm cho cuộc sống tươi đẹp nơi núi rừng “trước cổng trời”.

Ngôn ngữ trong những tác phẩm thơ phần *Độc* trong *SGK Tiếng Việt 4, 5* (Bộ sách *KNTTVCS*) không chỉ giàu hình ảnh, mà ngôn ngữ ấy còn giàu nhạc điệu. Nhạc điệu trong thơ biểu hiện qua sự hài hòa giữa âm thanh, nhịp điệu, cách ngắt nhịp... từ đó tạo ra sự êm đềm hoặc mạnh mẽ, dồn dập... tạo ra những câu thơ có sự hài hòa, uyển chuyển, mang âm hưởng riêng.

Bài thơ “Tiếng ru” [3, tr.28] của nhà thơ Tố Hữu là bài thơ mang theo nhịp điệu nhẹ nhàng, uyển chuyển, thân tình như lời hát ru của mẹ. “Tiếng ru” được viết theo thể thơ lục bát – một đặc trưng của ca dao, dân ca Việt Nam, những câu thơ mượt mà, đầm thắm: *“Con ong làm mật, yêu hoa/ Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời/ Con người muốn sống con ơi/ Phải yêu đồng chí, yêu người anh em [...] Một ngôi sao, chẳng sáng đêm/ Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng./ Một người- đâu phải nhân gian?/ Sống chẳng, một đóm lửa tàn mà thôi!”* Từ việc lựa chọn thể thơ lục bát mang đậm âm hưởng dân gian, Tố Hữu đã tiếp tục âm hưởng của nhịp điệu truyền thống bằng nghệ thuật gieo vần và ngắt nhịp uyển chuyển. Chính sự sáng tạo ấy đã khiến “Tiếng ru” vang lên như một khúc hát dân gian, vừa nhẹ nhàng sâu lắng, vừa thắm đẫm chất triết lý nhân sinh. Trước hết, cách gieo vần trong bài thơ mang đậm dấu ấn dân gian, nhưng đồng thời cũng cho thấy sự sáng tạo tinh tế của nhà thơ. Toàn bài chủ yếu là các vần lưng, vần chân giúp âm hưởng thơ trở nên đều đặn nhưng cũng uyển chuyển, nhẹ nhàng, mềm mại, gợi sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên. Chẳng hạn ở hai câu thơ : *“Con ong làm mật yêu hoa/ Con cá bơi yêu nước, con chim ca yêu trời”*, âm “a” được dùng làm âm chủ đạo, thể hiện qua các từ “hoa – ca” . Âm “a” ở hai câu thơ trên đóng vai trò là vần chân liên kết giữa câu 6 và câu 8, đồng thời nó cũng xuất hiện ở vị trí giữa câu tạo thành vần lưng, giúp câu thơ trở nên mềm mại, gợi sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên. Tố Hữu đã vận dụng nét truyền thống trong cách gieo vần để tạo ra sự liên kết, chuyển tiếp nhịp nhàng giữa các khổ thơ. Như ở câu thơ cuối của khổ thơ thứ nhất: *“Phải yêu đồng chí, yêu người anh em”*, vần “em” ở cuối như một lời ngân dài vừa giúp câu thơ trở nên nhẹ nhàng, du dương khép lại khổ thơ đầu một cách trọn vẹn, vừa như đang mở ra âm hưởng dịu êm để nối tiếp sang khổ thơ tiếp theo. Sang đến khổ thơ thứ hai, Tố Hữu tiếp tục nối vần chân của khổ trước qua tiếng “đêm”. Sự sáng tạo trong cách gieo vần của Tố Hữu cũng được thể

hiện qua cách gieo vần này. Cụ thể như sau, câu thơ “*Một ngôi sao chẳng sáng đêm*” chứa tiếng “*đêm*” của khổ thơ thứ hai có vần với vần “*em*” ở câu “*Phải yêu đồng chí, yêu người anh em*” cuối khổ thơ đầu. Tiếng “*đêm*” và vần “*em*” có cấu âm giống nhau – cùng kết thúc bằng âm mũi “*m*” tạo nên sự liên kết âm thanh giữa hai khổ thơ. Cũng nhờ đó mà tiếng “*đêm*” nối tiếp với vần “*em*” một cách tự nhiên, nhẹ nhàng giúp bài thơ chuyển từ âm hưởng ngọt ngào, ấm áp sang hướng trầm tư, sâu lắng hơn. Nhìn chung, cách gieo vần trong “*Tiếng ru*” [3, tr.28] có tính liên mạch, chặt chẽ, đúng luật. Tô Hữu đã vận dụng nét truyền thống trong cách gieo vần để tạo ra sự liên kết, chuyển tiếp nhịp nhàng giữa các khổ thơ. Bên cạnh đó, nhịp điệu đều và biện pháp lặp cấu trúc cũng góp phần tạo ra vần điệu cho bài thơ, khiến “*Tiếng ru*” [3, tr.28] cất lên như một lời ru nhẹ nhàng, sâu lắng của người bà, người mẹ: “*Núi cao bởi có đất bồi/ Núi chề đất thấp, núi ngời ở đâu?/ Muôn dòng sông đổ biển sâu/ Biển chề sông nhỏ, biển đâu nước còn?*”. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc “*A... bởi có B/ A chề B...*” góp phần tạo nên sự uyển chuyển, nhịp nhàng, hơn nữa nó cũng giúp nhấn mạnh triết lí nhân – quả của vạn vật. Biện pháp lặp cấu trúc còn xuất hiện trong nhiều câu thơ khác của bài nhằm làm tăng tính nhạc: “*Một ngôi sao, /chẳng sáng đêm/ Một thân lúa chín, /chẳng nên mùa vàng*”. Ngoài cách gieo vần đặc sắc, bài thơ còn có cách ngắt nhịp linh hoạt, góp phần tạo ra âm điệu riêng của bài thơ. Bài thơ chủ yếu ngắt nhịp chẵn – đặc trưng trong ngắt nhịp của thơ lục bát. Có khi là 2/2/2, 2/4, 2/2/2/2, 4/4...: “*Con ong/ làm mật /yêu hoa*” hay “*Tre già/ yêu lấy/ măng non*” sử dụng cách ngắt nhịp 2/2/2 khiến câu thơ gọn gàng, rõ ràng, nhịp nhàng như một bài ca dao dễ thuộc, nhấn mạnh sự chuyển tiếp giữa các thế hệ. Khi muốn truyền tải một triết lí sống, câu thơ “*Một người/- đâu phải nhân gian?*” được ngắt theo nhịp 2/4 làm tăng tính giáo dục, tăng tính triết lí. Hai hình ảnh “*một người*” và “*nhân gian*” được đặt cạnh nhau tạo ra sự đối lập, tương phản. Sự đối lập đó kết hợp với câu thơ “*Sống chẳng/ một đóm/ lửa tàn/ mà thôi!*” (ngắt nhịp 2/2/2/2) gợi nên ở người đọc một cảm giác chậm rãi, ngắt quãng, qua đó nhấn mạnh sự cô độc, lẻ loi, một cuộc sống vô nghĩa nếu sống cô độc, xa lánh cộng đồng. Bên cạnh đó, ở đây, cách ngắt nhịp cũng đã có sự sáng tạo so với cách ngắt nhịp chẵn truyền thống của thể thơ lục bát: “*Con ong/làm mật/yêu hoa - Con cá bơi/yêu nước, con chim ca/yêu trời*”. Câu thơ ngắt nhịp 3/2 độc đáo, giúp nhịp điệu bài thơ lúc nhanh

lúc chậm như một bản nhạc. Góp phần tạo ra nhạc điệu của bài thơ còn phải nhắc đến sự hài hòa của thanh điệu. Nhìn chung, bài thơ thiên về thanh bằng, nhờ đó lời thơ trở nên ngọt ngào, dịu nhẹ, đúng chất tiếng ru. Tuy nhiên, ở những câu mang tính triết lí sâu sắc, nhiều thanh trắc xuất hiện “*Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng*”, “*Sống chẳng một đóm lửa tàn mà thôi!*” (“lúa chín”, “sống” “đóm lửa”) làm giọng thơ nặng xuống, dồn ép, nhấn mạnh thông điệp nhà thơ muốn gửi gắm. Sự đan xen bằng – trắc như vậy vừa giữ được âm hưởng êm ái của lời ru, vừa tạo sức nặng, độ chắc khỏe cần thiết cho những triết lí về cuộc sống. Qua đây, có thể thấy, “Tiếng ru” của Tố Hữu có nhịp điệu mềm mại, nhẹ nhàng, thân thuộc như lời ru âm áp của bà, của mẹ. Nhờ cách gieo vần tự nhiên, nhẹ nhàng, bên cạnh đó là nhịp điệu linh hoạt, bài thơ giúp người đọc dễ nhớ, dễ thuộc. Không chỉ thế, tác phẩm còn truyền tải đến người đọc những bài học về triết lí nhân sinh sâu sắc một cách nhẹ nhàng, thâm thúy chứ không khô khan cứng nhắc. Đó cũng chính là lí do các tác phẩm thơ viết cho thiếu nhi của Tố Hữu được rất nhiều độc giả đón nhận, bởi nó vừa chan chứa tình cảm, vừa mang tính giáo dục sâu sắc mà vẫn giữ được sự nhẹ nhàng vẫn giàu chất thơ.

Bài thơ “Trong lời mẹ hát” [3, tr.59] của tác giả Trương Nam Hương cũng là một bài thơ giàu chất nhạc, gần gũi với HS. Bài thơ được viết theo thể thơ 6 chữ. Cách gieo vần cùng với nhịp điệu linh hoạt giúp bài thơ trở nên thân thuộc, nhẹ nhàng và dễ nhớ như câu hát của mẹ. Bài thơ là một khúc ca ngọt ngào, chan chứa tình mẫu tử thiêng liêng, được thể hiện bằng ngôn ngữ thơ giàu nhạc điệu và cảm xúc. Ngay từ những câu mở đầu, âm điệu của bài thơ đã nhẹ nhàng, êm ái như một khúc ru: “*Tuổi thơ chở đầy cổ tích / Dòng sông lời mẹ ngọt ngào*”. Nhịp thơ khi linh hoạt, khi đều đặn tạo nên sự uyển chuyển, như nhịp võng đưa con vào giấc ngủ. Tác giả khéo léo sử dụng biện pháp lặp (“lời mẹ”, “con”) cùng những hình ảnh dân gian quen thuộc: *cánh cò trắng, dải đồng xanh, con gà cục tác lá chanh* — tất cả gợi âm hưởng ca dao, khiến thơ gần gũi, trong trẻo như chính tiếng hát của mẹ. Ở khổ cuối, nhạc điệu thơ trở nên sâu lắng, ngân dài theo cảm xúc biết ơn và xúc động: “*Lưng mẹ cứ còng dần xuống / Cho con ngày một thêm cao*”. Nhờ ngôn ngữ giàu nhạc tính, bài thơ không chỉ gợi hình, gợi cảm mà còn gợi cả âm thanh — âm thanh của lời ru, của tình mẹ lan tỏa

trong tâm hồn con. Chính vẻ đẹp ấy đã làm nên sức sống bền lâu và giá trị cảm xúc sâu sắc cho bài thơ.

Trong thơ ca, vần và nhịp là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên linh hồn của bài thơ. Mỗi tác phẩm lại chọn cho mình một cách gieo vần riêng, tiết tấu riêng để truyền tải cảm xúc tới người đọc. Nếu như ở “Tiếng ru” [3, tr.28] và “Trong lời mẹ hát” [3, tr.59] mang nhịp điệu nhẹ nhàng đều đặn như lời hát ru thì ở “Bộ đội về làng” [7, tr.109] của tác giả Hoàng Trung Thông lại có nhịp điệu vui vẻ, rộn rã như tiếng reo vui của nhân dân khi đón những anh bộ đội về làng. Bài thơ là khúc ca tươi sáng, tràn đầy niềm vui chiến thắng, được thể hiện bằng ngôn ngữ thơ giàu nhạc điệu và cảm xúc. Nhịp thơ khi thì dồn dập, rộn ràng, khi lại êm đềm, tha thiết, phản ánh nhịp sống và nhịp cảm xúc của người dân đón bộ đội trở về. Điệp ngữ “*Các anh đi*”, “*Các anh về*” được lặp lại nhiều lần, tạo nên nhịp điệu luân hồi, gợi nhớ hành trình gian lao và chiến thắng vinh quang của người lính. Cấu trúc câu ngắn, ngắt nhịp linh hoạt giúp thơ có hơi thở tự nhiên, gần với lời nói, lời ca dân gian. Những hình ảnh bình dị như “*mái ấm nhà vui*”, “*bát nước chè xanh*”, “*nồi cơm nấu dỏ*” vang lên với âm hưởng thân thương, mộc mạc, thể hiện tình quân dân sâu nặng. Ngôn ngữ thơ không cầu kì mà vẫn gợi nhạc, gợi hình, gợi cảm xúc — tiếng cười, tiếng reo hòa cùng âm vang của niềm hạnh phúc sum họp. Chính sự hòa quyện giữa nhịp điệu tự nhiên và cảm xúc chân thành đã làm cho bài thơ mang đậm âm hưởng dân ca, trở thành bản nhạc vui của làng quê trong ngày chiến thắng.

Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, nhạc điệu trong các VB thơ phần *Đọc* của SGK *Tiếng Việt 4, 5* (Bộ sách KNTTVCS) không chỉ giúp HS dễ học, dễ hiểu mà còn góp phần phát huy khả năng cảm thụ văn học của các em. Ngoài ra, việc sử dụng ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, nhạc điệu còn giúp kích thích óc sáng tạo và trí tưởng tượng của các HS.

2.3. Giọng điệu hồn nhiên, thân tình

Giọng điệu trong văn học là tiếng nói riêng của mỗi nhà văn, thể hiện qua cách dùng từ, cách viết và thái độ đối với nội dung, con người, cảnh vật... được truyền tải trong tác phẩm. Giống như mỗi người có một giọng nói khác nhau, mỗi tác phẩm cũng có một giọng điệu độc đáo để tạo dấu ấn riêng không thể trộn lẫn.

Giọng điệu là một yếu tố quan trọng giúp truyền tải thông điệp một cách hiệu quả và tạo sự kết nối với người nghe, người đọc. Một số giọng điệu thường gặp trong thơ như: giọng điệu nhẹ nhàng, dí dỏm, hồn nhiên, thân tình; giọng điệu trang nghiêm, sâu lắng; giọng điệu chua chát, cay đắng...

Đối với HS tiểu học, sự hồn nhiên, ngây thơ và trong sáng là những đặc điểm nổi bật của lứa tuổi này. Đây chính là nền tảng quan trọng để các nhà biên soạn sách lựa chọn những VB phù hợp với tâm lí và đặc điểm phát triển của các em. Những VB có giọng điệu hồn nhiên, trong sáng và gần gũi có nội dung dễ hiểu, giàu hình ảnh sẽ giúp HS dễ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, khơi gợi tình yêu với văn học, sự hứng thú với tiết học và từ đó giúp phát triển khả năng nhận thức của các em. Vì vậy, các VB trong SGK không chỉ đáp ứng được yêu cầu về kiến thức mà còn cần phải phù hợp với sự hồn nhiên, vui tươi của HS.

Giọng điệu hồn nhiên, thân tình được thể hiện rõ nét trong các VB qua cách xưng hô gần gũi, tự nhiên, mang đậm sắc thái tình cảm. Các tác giả thường sử dụng các đại từ quen thuộc như con, cháu, bố, mẹ, bà... khiến lời thơ trở nên gần gũi, thân tình và ấm áp. Hình thức thể hiện đa dạng, có khi là thơ dưới dạng viết thư, có khi lại là những cuộc trò chuyện giản dị, chân thành.

Bài thơ “Tuổi ngựa” [6, tr.18] của Xuân Quỳnh là một sáng tác giàu cảm xúc, mang giọng điệu hồn nhiên, thân tình và được thể hiện sinh động qua hình thức đối thoại giữa mẹ và con. Ngay từ những câu mở đầu: “– Mẹ ơi, con tuổi gì? / – Tuổi con là tuổi Ngựa”, ta đã bắt gặp giọng nói trong trẻo, ngây thơ của đứa trẻ cùng lời đáp dịu dàng, ấm áp của người mẹ. Cách xưng hô, gọi đáp: “mẹ ơi – con” gợi không khí gia đình thân mật, chứa chan tình yêu thương. Bằng giọng nói thủ thỉ, người mẹ vừa giải thích, vừa khơi gợi trí tưởng tượng của con về “tuổi Ngựa – tuổi đi”, gợi lên hình ảnh một tâm hồn trẻ thơ ham khám phá và khát khao phiêu du. Ở những khổ thơ giữa, giọng thơ trở nên sôi nổi, tươi vui khi người con tưởng tượng mình như chú ngựa nhỏ tung vó khắp mọi miền đất nước: “Gió xanh miền trung du / Gió hồng vùng đất đỏ...” – những hình ảnh giàu màu sắc, âm thanh và nhịp điệu đã làm nổi bật thế giới mộng mơ, trong sáng của tuổi thơ. Bài “Tuổi ngựa” [6, tr.18] mang âm hưởng thân mật, gần gũi như một cuộc trò chuyện

đời thường. Ngôn ngữ thơ nhẹ nhàng, tự nhiên, giàu hình ảnh và cảm xúc, gọi cho người đọc cảm giác thân quen như đang được lắng nghe những lời thủ thỉ, tâm tình. Bài thơ sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ để thể hiện tâm hồn của tuổi trẻ, yêu tự do, thích khám phá và luôn muốn đặt chân tới những chân trời mới giúp cho người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của tuổi xuân. Những câu thơ đầy nhịp điệu gọi tả tinh thần phóng khoáng, sôi nổi của tuổi trẻ. Hình thức đối thoại giúp bài thơ trở nên sinh động, tự nhiên, khiến người đọc cảm nhận được cả tình yêu thương, niềm tin và sự đồng cảm giữa mẹ và con. Nhờ đó, giọng điệu thơ không chỉ thể hiện được nét hồn nhiên, trong sáng mà còn gần gũi, thân tình.

Giọng điệu hồn nhiên, thân tình cũng là giọng chủ đạo trong bài thơ “Nếu chúng mình có phép lạ” [3, tr.132] của tác giả Định Hải. Bài thơ sử dụng ngôn từ gần gũi, quen thuộc với trẻ em, giúp diễn tả thế giới nội tâm phong phú của các em một cách chân thực. Những ước mơ lớn lao được diễn đạt bằng những hình ảnh rất đời thường, đáng yêu: *“bắt hạt giống nảy mầm nhanh”, “ngủ dậy thành người lớn ngay”* hay *“hóa trái bom thành trái ngon”*... Cách sử dụng câu đơn giản, không quá phức tạp khiến cho giọng điệu thơ như một cuộc trò chuyện tự nhiên, gần gũi, thể hiện sự hồn nhiên của lứa tuổi thiếu nhi. Bài thơ là sự thể hiện một thế giới đầy mơ mộng của trẻ em, nơi mà mọi thứ đều có thể xảy ra. *“Nếu chúng mình có phép lạ”* là câu mở đầu được lặp lại nhiều lần, gọi lên thế giới đầy mơ ước của trẻ thơ.. Sự lặp lại này không gây nhàm chán mà còn nhấn mạnh khát khao của trẻ em về một thế giới tốt đẹp, một phép màu có thể thay đổi thế giới. Giọng điệu trong các câu thơ mang âm hưởng nhẹ nhàng, bay bổng, như chính giấc mơ của các em. Các em hồn nhiên và tin tưởng vào một thế giới mà phép lạ có thể biến mọi điều không thể thành có thể: *“Hái triêu vì sao xuống cùng”, “Hóa trái bom thành trái ngon”, “Đúc thành ông Mặt Trời mới”*... Tất cả những ước mơ này đều đầy tính mơ mộng và lãng mạn, không bị ràng buộc bởi thực tế. Câu chuyện trong bài thơ dường như được kể giữa những người bạn thân thiết, với những ước mơ chung và sự chia sẻ ngọt ngào. Câu thơ *“Nếu chúng mình có phép lạ!”* được lặp lại như một lời nhắn gửi giữa các bạn, như thể các em đang trò chuyện với nhau về những điều kì diệu mà chúng muốn làm, muốn thay đổi trong

cuộc sống. Hình ảnh “*chúng mình*” và cách xưng hô thân mật như “*Đưa thì lặn xuống đáy biển/ Đưa thì ngồi lái máy bay*” tạo ra một không khí đoàn kết, gắn bó, thể hiện sự đồng lòng và mong muốn cùng nhau làm những điều phi thường. Giọng thơ hồn nhiên, thân tình ấy rất phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi, không chỉ phản ánh sự ngây thơ, mơ mộng mà còn thể hiện niềm tin vào tình bạn và vào những điều tốt đẹp trong tương lai. Cùng với sự sử dụng ngôn ngữ giản dị nhưng sâu sắc, bài thơ là một bức tranh đẹp về tuổi thơ, về niềm tin vào những điều tốt đẹp và hi vọng vào một tương lai tươi sáng.

Bài thơ “Mầm non” [6, tr.64] của Võ Quảng là một khúc ca xuân trong trẻo, giàu hình ảnh và cảm xúc, mang giai điệu hồn nhiên, thân tình phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi. Giai điệu này được thể hiện xuyên suốt bài thơ, từ cách tác giả lựa chọn từ ngữ, nhân hóa các sự vật cho đến nhịp điệu và cảm xúc của tác phẩm. Sự hồn nhiên được thể hiện rõ qua cái nhìn ngộ nghĩnh, đáng yêu về thế giới tự nhiên. Nhà thơ đã nhân hóa mầm non như một sinh linh nhỏ bé, đang thức giấc sau giấc ngủ dài của mùa đông giá lạnh. Hình ảnh “*mầm non nho nhỏ*” hay “*mầm non mắt lim dim*” gọi lên vẻ ngây thơ, đáng yêu. Cái nhìn ấy không chỉ dừng lại ở mầm non mà còn lan tỏa đến cả vạn vật: “*chú thỏ phóng nhanh*”, “*tiếng chim kêu: Chíp chiu chiu!*”. Cách miêu tả này biến thế giới tự nhiên trở thành một câu chuyện cổ tích sống động, gần gũi với tâm hồn trẻ thơ. Giai điệu thân tình toát ra từ sự yêu mến, trân trọng của tác giả dành cho sự sống nhỏ bé. Toàn bộ bài thơ như một câu chuyện được kể lại một cách thủ thỉ, nhẹ nhàng. Những câu thơ như “*Dưới vỏ một cành bàng / Còn một vài lá đỏ*” hay “*Rừng cây trông thưa thớt / Thấy chỉ cội với cành*” cho thấy một sự đồng cảm sâu sắc với sự vất vả, im lìm của thiên nhiên trước khi bừng tỉnh. Bài thơ sử dụng nhiều câu kể đơn giản, mộc mạc để dẫn dắt câu chuyện: “*Một mầm non nho nhỏ / Còn nằm nép lạng im*”, “*Nó đứng dậy giữa trời / Khoác áo màu xanh biếc*”. Các câu kể này không chỉ truyền tải nội dung mà còn thể hiện sự ngỡ ngàng, thích thú của nhân vật trữ tình trước những thay đổi của sự sống. Tác giả dùng những từ ngữ gần gũi, thân thương như “*nho nhỏ*”, “*lim dim*”, “*vội bật*” để miêu tả hành động của mầm non, khiến người đọc cảm nhận được sự kết nối, đồng điệu với thế giới tự nhiên. Chính giọng

điệu hồn nhiên và thân tình này đã trở thành linh hồn của bài thơ, làm cho tác phẩm không chỉ là một bức tranh thiên nhiên đơn thuần mà còn là khúc ca say mê, một bài ca về sự sống và niềm tin.

Nếu cuộc sống là một bản nhạc, thì thơ ca chính là những nốt thăng, nốt trầm đầy cảm xúc. Bài thơ “Hạt gạo làng ta” [7, tr.17] của tác giả Trần Đăng Khoa đã cất lên một giai điệu dịu êm, hồn nhiên và rất thân thương như thể chạm đến trái tim người đọc bằng những vần thơ lắng đọng. Giọng điệu ấy không chỉ ca ngợi giá trị của hạt gạo mà còn thể hiện sự trân trọng, biết ơn đối với những người làm ra nó. Tác giả đã khéo léo sử dụng góc nhìn của trẻ thơ để miêu tả quá trình làm ra hạt gạo. Hạt gạo ấy không chỉ là sản phẩm của lao động mà còn là kết tinh của những điều bình dị và thân thương. Tác giả dùng những câu thơ ngắn, nhịp nhàng như lời hát đồng dao, khiến quá trình làm ra hạt gạo vất vả trở nên nhẹ nhàng, thơ mộng. Sự thân tình ấy còn được thể hiện qua tình cảm của tác giả đối với hạt gạo và những người nông dân. Hạt gạo không chỉ mang vị ngọt mà còn mang “*vị phù sa của Sông Kinh Thầy*”, “*hương sen thơm trong hồ nước*”, “*lời mẹ hát ngọt bùi đắng cay*”... Với giọng điệu trìu mến đã biến hạt gạo từ một vật vô tri thành một biểu tượng sống động, chứa đựng tình yêu thương, sự vất vả, nhọc nhằn của người lao động. Bài thơ cho thấy nét đẹp của người nông dân trong quá trình làm ra hạt gạo đó là vất vả làm lụng giữa thời tiết khắc nghiệt, từ ngày này qua tháng khác, những giọt mồ hôi rơi, trời nắng nóng và giữa thời chiến tranh bom đạn. Nét đẹp ấy còn được thể hiện qua những hình ảnh vô cùng giản dị, thân thuộc như “*có bão tháng Bảy, có mưa tháng Ba, giọt mồ hôi sa, những trưa tháng Sáu, nước như ai nấu, chết cả cá cò, cua ngoi lên bờ; những năm bom Mỹ, trút trên mái nhà...*” tất cả đều được nhắc đến một cách nhẹ nhàng, đầy trìu mến. Bên cạnh đó, hạt gạo cũng là biểu tượng của làng quê, gắn liền với những câu chuyện đời thường. Nó không chỉ đơn thuần để ăn mà còn được “*gửi ra tiền tuyến*”, “*gửi về phương xa*”... Giọng thơ thể hiện sự tự hào, trân trọng đối với sản phẩm của quê hương, giúp người đọc cảm nhận được tình yêu đất nước một cách rất tự nhiên. Sự hồn nhiên và thân tình trong bài thơ cũng được thể hiện qua việc tác giả đặt cảm xúc của mình vào từng chi tiết. Tác giả đã giúp người đọc, đặc biệt là các em

nhỏ, hiểu được rằng hạt gạo không chỉ là lương thực, mà còn là kết tinh của tình yêu thương, của sự hi sinh và lòng biết ơn. Thông qua cách miêu tả giản dị, chân thực, bài thơ đã giúp các em nhỏ hiểu và trân trọng giá trị của hạt gạo, từ đó bồi đắp tình yêu với lao động và quê hương đất nước.

Bài thơ “Việt Nam quê hương ta” [6, tr.117] của tác giả Nguyễn Đình Thi mang một giọng điệu hồn nhiên, thân tình và đầy tự hào. Tác phẩm thể hiện tình yêu sâu sắc của tác giả đối với quê hương đất nước. Bài thơ sử dụng ngôn ngữ rất gần gũi và dễ hiểu, phù hợp với tâm lí và suy nghĩ của trẻ em. Các hình ảnh và từ ngữ mang tính chất mộc mạc, giản dị mà giọng thơ còn rất đời thường, như một lời tâm sự, thủ thỉ. Giọng điệu này được thể hiện rõ qua cách tác giả sử dụng các từ ngữ và miêu tả những hình ảnh quen thuộc, bình dị. Ngay từ câu thơ đầu tiên, “*Việt Nam đất nước ta ơi!*”, cách gọi “*ta ơi*” như một lời tự tình, tạo nên một cảm giác thân thiết, bộc lộ tình cảm ruột thịt với quê hương đất nước. Tác giả đã biến lời ca ngợi quê hương đất nước thành một lời tâm sự đầy tự hào của con người dành cho quê hương. Điều này làm cho bài thơ không còn khô khan mà trở nên ấm áp hơn. Hình ảnh biển lúa mênh mông, có những cánh cò bay dập dờn... Cảnh sắc thiên nhiên thật non nước hữu tình. Tất cả đều rất quen thuộc trong đời sống nông thôn Việt Nam, khiến người đọc, đặc biệt là các trẻ nhỏ, cảm thấy gần gũi, thân quen. Cách diễn đạt giản dị, trong trẻo, không hoa mỹ cầu kì, giống như lời kể hồn nhiên, sâu lắng. Tác giả đã khéo léo lồng ghép cảm xúc vào từng câu chữ như khi ca ngợi vẻ đẹp bình dị ấy. Sự thân tình còn hiện hữu trong việc tác giả không chỉ nhắc đến những kì quan lớn của Việt Nam mà còn đặc biệt chú ý đến những chi tiết nhỏ, gần gũi như những con người Việt Nam, đầy sức sống và lòng yêu thương. Bài thơ giàu hình ảnh so sánh, ẩn dụ và điệp ngữ thể hiện tình yêu sâu sắc với đất nước. Những hình ảnh ẩn dụ gợi lên sức sống, ý chí vươn lên của nhân dân, khẳng định niềm tự hào dân tộc. Bằng giọng điệu hồn nhiên và thân tình, Nguyễn Đình Thi đã khắc họa thành công một đất nước Việt Nam vừa giản dị, gần gũi, vừa thiêng liêng, cao đẹp. Việc đan xen những hình ảnh lớn lao với những chi tiết đời thường làm cho bài thơ trở nên ấm áp, chạm đến trái tim độc

giả đặc biệt là các em nhỏ. Giọng thơ nhẹ nhàng, tình cảm đã giúp người đọc cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước một cách tự nhiên và sâu sắc.

Như vậy giọng điệu hồn nhiên, thân tình không chỉ là một yếu tố nghệ thuật mà còn là linh hồn của các tác phẩm thơ, đặc biệt là thơ dành cho thiếu nhi. Nó được biểu hiện một cách tinh tế và đa dạng thông qua các hình thức như đối thoại, lời tâm sự và những câu thơ mang sắc thái kể, hỏi, cảm, từ đó khơi dậy và nuôi dưỡng những cảm xúc trong trẻ, chân thành nhất trong tâm hồn người đọc. Các VB thơ (phần *Đọc*) của SGK *Tiếng Việt lớp 4,5* chủ yếu là giọng điệu hồn nhiên, thân tình không chỉ giúp HS tiếp cận tác phẩm một cách tự nhiên, gần gũi mà còn khơi gợi tình yêu với ngôn ngữ và văn hóa dân tộc, góp phần vào việc hình thành và phát triển nhân cách cho HS.

Kết luận chương 2

Các VB thơ trong sách giáo khoa Tiếng Việt (bộ sách KNTTVCS) mang những đặc điểm nghệ thuật riêng và gần gũi với lứa tuổi HS tiểu học. Trước hết, về thể thơ, các tác giả đã linh hoạt sử dụng nhiều hình thức khác nhau như thơ bốn chữ, năm chữ, lục bát, tự do... Mỗi thể thơ đều được vận dụng sáng tạo để phù hợp với nội dung và cảm xúc, giúp HS dễ cảm nhận và ghi nhớ. Ngôn ngữ thơ trong các VB được chọn lọc tinh tế, giàu hình ảnh, gợi cảm, gợi hình, đem đến cho người đọc những liên tưởng sinh động về thiên nhiên, con người, quê hương, đất nước. Nhạc điệu trong thơ nhẹ nhàng, uyển chuyển, nhiều bài có nhịp điệu gần với lời ru, lời hát, tạo nên sức truyền cảm tự nhiên, giúp trẻ em dễ cảm thụ và yêu thích. Giọng điệu thơ nhìn chung mang tính hồn nhiên, trong sáng, thân tình, thể hiện tình yêu thương, niềm vui, sự sẻ chia, đồng thời khơi gợi trí tưởng tượng và cảm xúc tích cực cho HS. Như vậy, bằng sự kết hợp hài hòa giữa thể thơ, ngôn ngữ, nhạc điệu và giọng điệu, các VB thơ trong bộ sách không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn góp phần bồi dưỡng tâm hồn, cảm xúc và năng lực thẩm mỹ cho HS tiểu học.

KẾT LUẬN

Qua quá trình khảo sát và phân tích, đề tài “Đặc điểm VB thơ trong chương trình *Tiếng Việt* tiểu học (Bộ sách *KNTTVCS*)” đã làm sáng tỏ những phương diện nội dung và nghệ thuật tiêu biểu của hệ thống các bài thơ phần “*Đọc*” trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4 và lớp 5.

Về nội dung, các VB thơ trong bộ sách phản ánh thế giới tuổi thơ trong sáng, hồn nhiên và chan chứa tình cảm. Tình yêu quê hương, đất nước, lòng biết ơn cha mẹ, thầy cô, tình bạn bè thân thiết cùng những ước mơ, khát vọng và trải nghiệm trong cuộc sống thường ngày đều được thể hiện sinh động, gần gũi, phù hợp với nhận thức và tâm lí lứa tuổi HS tiểu học. Những giá trị ấy góp phần hình thành ở các em tình yêu cuộc sống, ý thức hướng thiện và năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

Về nghệ thuật, các bài thơ thể hiện sự phong phú trong hình thức biểu đạt với nhiều thể thơ đa dạng như bốn chữ, năm chữ, lục bát, tự do... Ngôn ngữ thơ được chọn lọc tinh tế, giàu hình ảnh và nhạc điệu, dễ thuộc, dễ nhớ, gợi cảm xúc tự nhiên. Giọng điệu hồn nhiên, thân tình tạo nên sự gần gũi giữa tác phẩm và người đọc nhỏ tuổi, khiến thơ trở thành người bạn đồng hành trong hành trình học tập và trưởng thành của các em.

Từ đó có thể khẳng định, hệ thống các VB thơ phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt* tiểu học (bộ *KNTTVCS*) không chỉ có giá trị giáo dục và thẩm mĩ sâu sắc, mà còn góp phần bồi dưỡng tâm hồn, nuôi dưỡng trí tưởng tượng và tình yêu tiếng Việt cho HS — một nền tảng quan trọng để các em phát triển toàn diện về nhân cách và cảm xúc.

Từ những kết quả mà quá trình nghiên cứu đạt được, đề tài không những góp phần làm rõ giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của các VB *Thơ* trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4,5 (bộ sách *KNTTVCS*) mà còn có thể trở thành một tài liệu tham khảo hữu ích đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong quá trình học tập và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Đề tài này cũng là một nguồn tư liệu tham khảo dành cho GV tiểu học cũng như những người đang quan tâm đến chương trình *Tiếng Việt* cấp tiểu học thuộc chương trình Ngữ văn (GDPT 2018).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. An Thị Ngọc Lý (2024), *Những bài học giáo dục từ các VB văn học phân Đọc trong sách Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)*, Tạp chí Khoa học trường Đại học Hoa Lư, Số 3, tháng 6/2024.
2. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4*, tập Một, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4*, tập Hai, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023), *Sách giáo viên Tiếng Việt 4*, tập Một, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023), *Sách giáo viên Tiếng Việt 4*, tập Hai, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
6. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5*, tập Một, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
7. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5*, tập Hai, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
8. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Tiếng Việt 5*, tập Một, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
9. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Tiếng Việt 5*, tập Hai, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
10. Dương Thị Hương (2009), *Cảm thụ văn học*, NXB Đại học Sư Phạm
11. Đỗ Ngọc Thống (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt*, NXB Đại học Sư Phạm
12. Đỗ Ngọc Thống (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, NXB Đại học Sư phạm
13. Lê Phương Nga (2015). *Đảm bảo mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp cho HS trong quá trình dạy học các tri thức tiếng Việt ở trường tiểu học*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 9, tr 65-73.
14. Lê Phương Nga (2009), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư Phạm

15. Nguyễn Minh Thuyết (2010), *Sách giáo viên Tiếng Việt 4*, NXB Giáo dục.
16. Nguyễn Minh Thuyết (2010), *Sách giáo viên Tiếng Việt 5*, NXB Giáo dục.
17. Tạ Đức Hiền (2022), *Cảm thụ văn học dành cho HS lớp 4, 5 (Biên soạn theo Chương trình Giáo dục Tiểu học mới)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 1.1.1. Thống kê các VB thơ trong SGK *Tiếng Việt* lớp 4, 5
(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*)

STT	Lớp	Tập	Chủ đề	VB thơ	Thể thơ
1	4	1	Mỗi người một vẻ	<i>Bài 1: Điều kì diệu</i> (Huỳnh Mai Liên)	Thơ 5 chữ
			Trải nghiệm và khám phá	<i>Bài 9: Bầu trời trong quả trứng</i> (Xuân Quỳnh)	Thơ 5 chữ
				<i>Bài 15: Gặt chữ trên non</i> (Bích Ngọc)	Thơ 5 chữ
			Niềm vui sáng tạo	<i>Bài 17: Vẽ màu</i> (Bảo Ngọc)	Thơ 5 chữ
			Chấp cánh ước mơ	<i>Bài 28: Bốn mùa mơ ước</i> (Nguyễn Lâm Thắng)	Thơ 6 chữ
				<i>Bài 31: Nếu chúng mình có phép lạ</i> (Định Hải)	Thơ 6 chữ
		2	Sống để yêu thương	<i>Bài 4: Quả ngọt cuối mùa</i> (Võ Thanh An)	Thơ lục bát
				<i>Bài 6: Tiếng ru</i> (Tố Hữu)	Thơ lục bát
			Uống nước nhớ nguồn	<i>Bài 10: Cảm xúc Trường Sa</i> (Huệ Triệu)	Thơ 5 chữ
				<i>Bài 11: Sáng tháng Năm</i> (Tố Hữu)	Thơ lục bát
				<i>Bài 14: Trong lời mẹ hát</i> (Trương Nam Hương)	Thơ 6 chữ
				<i>Bài 16: Ngựa biên phòng</i> (Phan Thị Thanh Nhàn)	Thơ 5 chữ

			Quê hương trong tôi	<i>Bài 18: Bước mùa xuân</i> (Nguyễn Bao)	Thơ 4 chữ
				<i>Bài 19: Đi hội chùa Hương</i> (Chu Huy)	Thơ 5 chữ
				<i>Bài 22: Cái cầu</i> (Phạm Tiến Duật)	Thơ tự do
			Vì một thế giới bình yên	<i>Bài 30: Ngày hội</i> (Đình Hải)	Thơ 5 chữ
		1	Thế giới tuổi thơ	<i>Bài 3: Tuổi ngựa</i> (Xuân Quỳnh)	Thơ 5 chữ
				<i>Bài 5: Tiếng hạt nảy mầm</i> (Tô Hà)	Thơ 5 chữ
			Thiên nhiên kì thú	<i>Bài 9: Trước cổng trời</i> (Nguyễn Đình Ảnh)	Thơ 5 chữ
				<i>Bài 13: Mầm non</i> (Võ Quảng)	Thơ 5 chữ
			Trên con đường học tập	<i>Bài 21: Thế giới trong trang sách</i> (Huệ Triệu)	Thơ 8 chữ
			Nghệ thuật muôn màu	<i>Bài 25: Tiếng đàn ba-la- lai-ca trên sông Đà</i> (Quang Huy)	Thơ tự do
2	5	2	Vẻ đẹp cuộc sống	<i>Bài 2: Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i> (Nguyễn Khoa Điềm)	Thơ tự do
				<i>Bài 3: Hạt gạo làng ta</i> (Trần Đăng Khoa)	Thơ 4 chữ
				<i>Bài 6: Thư của bố</i> (Thụy Anh)	Thơ tự do

			<i>Bài 7: Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận)</i>	Thơ 7 chữ
		Hương sắc trăm miền	<i>Bài 11: Hương cốm mùa thu (Bảo Ngọc)</i>	Thơ 6 chữ
			<i>Bài 14: Đường quê Đồng Tháp Mười (Trần Quốc Toàn)</i>	Thơ 5 chữ
			<i>Bài 16: Về thăm Đất Mũi (Hoài Anh)</i>	Thơ 5 chữ
		Tiếp bước cha ông	<i>Bài 22: Bộ đội về làng (Hoàng Trung Thông)</i>	Thơ tự do
			<i>Bài 23: Về ngôi nhà đang xây (Đồng Xuân Lan)</i>	Thơ tự do
			<i>Bài 24: Việt Nam quê hương ta (Nguyễn Đình Thi)</i>	Thơ lục bát
		Thế giới của chúng ta	<i>Bài 25: Bài ca trái đất (Định Hải)</i>	Thơ tự do